



BỘ TƯ PHÁP

Chính phủ Việt Nam - Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
Government of Viet Nam - United Nations Development Programme

*“Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”
“Strengthening Access to Justice and Protection of Rights in Viet Nam”*



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Diễn đàn Đối thoại Chính sách pháp luật lần thứ hai năm 2013:

“Đánh giá tổng quan Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) dưới góc độ quyền con người”

The Second Legal Policy Dialogue in 2013:

“Amending the Law on Marriage and Family from a Human Rights Based Perspective”

(Tài liệu tiếng Việt)

Hà Nội, 25.11.2013

Diễn đàn thoại chính sách pháp luật lần thứ hai năm 2013:

Đánh giá tổng quan Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) dưới góc độ quyền con người

CHƯƠNG TRÌNH

Thứ Hai, 25 tháng 11 năm 2013

Địa điểm: Khách sạn Sheraton, K5 Nghi Tâm, Số 11 đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ,
Hà Nội

Đồng chủ trì:

- Ông Hoàng Thế Liên - Thứ trưởng Bộ Tư pháp kiêm Giám đốc Dự án quốc gia
- Bà Louise Chamberlain - Giám đốc quốc gia UNDP Việt Nam

- | | |
|-------------|--|
| 8.00 - 8.30 | Đăng ký đại biểu |
| 8.30 - 8.40 | Giới thiệu đại biểu và dẫn chương trình Hội nghị Bà Đặng Hoàng Oanh, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp |
| 8.40 - 9.10 | Phát biểu khai mạc <ul style="list-style-type: none">• Ông Hoàng Thế Liên - Thứ trưởng Bộ Tư pháp kiêm Giám đốc Dự án quốc gia• Bà Louise Chamberlain - Giám đốc quốc gia UNDP Việt Nam |
| 9.10 - 9.40 | Tham luận thứ 1: Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) với những định hướng cơ bản trong bảo đảm thực hiện tốt hơn về quyền con người. <ul style="list-style-type: none">- Người trình bày: Ông Dương Đăng Huệ, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp |

Trao đổi và thảo luận

| | |
|----------------------|--|
| 9.40 - 10.10 | <p>Tham luận thứ 2:</p> <p>Tổng quan về quan điểm xây dựng Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) và một số nội dung của Dự án Luật từ góc độ cơ quan thẩm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người trình bày: Bà Nguyễn Thuý Anh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội <p><i>Trao đổi và thảo luận</i></p> |
| 10.10 - 10.30 | <p>Giải lao</p> |
| 10.30 - 11.00 | <p>Tham luận thứ 3:</p> <p>Những khuyến nghị chính đối với Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 – Góc nhìn từ quyền con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người trình bày: Đại diện UNDP <p><i>Trao đổi và thảo luận</i></p> |
| 11.00 - 11.30 | <p>Tham luận thứ 4:</p> <p>Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) dưới góc nhìn từ tổ chức phi Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người trình bày: Bà Khuất Thu Hồng, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội <p><i>Trao đổi và thảo luận</i></p> |
| 11.30 - 12.00 | <p>Tổng kết và kết thúc</p> <p>Phát biểu bế mạc của đồng chủ trì</p> |
| 12:00 | <p>Ăn trưa tại Khách sạn</p> |

CÁC THAM LUẬN TRÌNH BÀY TẠI DIỄN ĐÀN

Phần 1

1. Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) với những định hướng cơ bản trong bảo đảm thực hiện tốt hơn về quyền con người – Ông Dương Đăng Huệ, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp kiêm Giám đốc Tiểu dự án
2. Tổng quan về quan điểm xây dựng Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) và một số nội dung của Dự án Luật từ góc độ cơ quan thẩm tra – Bà Nguyễn Thuý Anh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội
3. Những khuyến nghị chính đối với Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 – Góc nhìn từ quyền con người – Đại diện UNDP
4. Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) dưới góc nhìn từ tổ chức phi Chính phủ - Bà Khuất Thu Hồng, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội

1. Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi)
2. Khuyến nghị của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam góp ý cho Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) – dựa trên Dự thảo Luật ngày 20/10/2013

DỰ ÁN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI) VỚI NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN TỐT HƠN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

DƯƠNG ĐĂNG HUỆ
Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế
Bộ Tư pháp

I. Bối cảnh sửa đổi, bổ sung Luật hôn nhân và gia đình liên quan đến thực hiện tốt hơn quyền con người

1. Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và các quốc gia trên thế giới luôn giữ vai trò đặc biệt ở cả hai phương diện về tuyên ngôn chính trị - pháp lý và thực thi pháp luật về quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, như: quyền được bình đẳng trước pháp luật, không bị phân biệt đối xử; quyền không bị xâm phạm về đời sống riêng tư, gia đình; quyền kết hôn và lập gia đình không phụ thuộc vào lý do dân tộc, quốc tịch hay tôn giáo; nam, nữ bình quyền khi kết hôn, trong đời sống vợ chồng và khi ly hôn; quyền về sở hữu tài sản cá nhân, của vợ chồng và của gia đình; quyền không bị tước đoạt tài sản; quyền về làm cha, làm mẹ và làm con...

2. Hầu hết các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của dự án Luật đều chịu tác động rất lớn bởi truyền thống văn hóa, đạo đức, phong tục, tập quán đây là những yếu tố vốn có sự xung đột cao với yêu cầu về tôn trọng, thực hiện quyền con người, đặc biệt về giới và bình đẳng giới. Bên cạnh những truyền thống tốt đẹp, Việt Nam cũng còn là nước chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng nho giáo, quan niệm trọng nam khinh nữ, vai trò của người phụ nữ gắn liền với chức năng nội trợ trong gia đình đã tồn tại có tính lịch sử lâu dài và còn tiếp tục ảnh hưởng trong một bộ phận không nhỏ của xã hội.

3. Luật hôn nhân và gia đình hiện đại nói chung và Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện hành nói riêng điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình như là một bộ phận của các quan hệ tư mà ở đó nguyên tắc bình đẳng, tự thỏa thuận, tự định đoạt và tự chịu trách nhiệm có tính chủ đạo. Tuy nhiên, Luật hôn nhân và gia đình hiện hành còn có một số bất cập, hạn chế trong thực hiện quyền con người, như: (1) một số quy định liên quan đến thực hiện quyền con người, đặc biệt về bình đẳng giới còn mang tính hình thức, không thực chất hoặc không khả thi; (2) một số vấn đề hôn nhân và gia đình chưa được Luật quy định cụ thể hoặc không quy định dẫn tới người dân khó tiếp cận hoặc không được bảo vệ kịp thời quyền của mình, khó khăn trong việc lựa chọn những ứng xử tốt nhất cho mình về hôn nhân và gia đình, như: vấn đề giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn; cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính; mang thai hộ; ly thân; chế độ tài sản theo thỏa thuận...

4. Việt Nam đang tiếp cận đến nền kinh tế thị trường đầy đủ, bên cạnh những thành tựu cũng làm phát sinh những thách thức mới trong thực hiện, bảo vệ tốt hơn các quyền con người, quyền công dân về dân sự nói chung, hôn nhân và gia đình nói riêng. Thời gian qua, thực hiện quyền con người trong gia đình và xã hội chịu chi phối không nhỏ bởi sự phân biệt giàu nghèo, vị trí xã hội, nghề nghiệp, gia đình...

5. Bên cạnh việc sửa đổi Hiến pháp, Việt Nam đã từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện quyền con người với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong quy định, thực hiện chính sách đối với những quan hệ xã hội có nhạy cảm giới và trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có các quan hệ hôn nhân và gia đình và pháp luật về hôn nhân và gia đình.

6. Việt Nam đã là thành viên của một số điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình, như: Hiến chương Liên hợp quốc (1945), Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ

(CEDAW), Công ước về quyền trẻ em... việc cụ thể hóa các cam kết quốc tế vào pháp luật trong nước là trách nhiệm của các nước thành viên, trong đó có Việt Nam.

II. Mục tiêu về thực hiện tốt hơn quyền con người trong xây dựng dự án Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi)

1. Mục tiêu xây dựng dự án Luật

Việc xây dựng Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi) là nhằm đáp ứng các yêu cầu khách quan của đời sống hôn nhân và gia đình nước ta trong tình hình mới; bám sát thực tiễn cuộc sống, đồng thời có dự báo tình hình trong thời gian tới, tạo điều kiện tốt hơn cho người dân tự giác chấp hành pháp luật; bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân đã có nhiều sửa đổi, bổ sung trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp; kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam đã được ghi nhận trong các Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986 và 2000; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật cũng như sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Mục tiêu trong thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình

Trên cơ sở mục tiêu chung về bảo đảm việc thực hiện, bảo vệ tốt hơn các quyền con người về hôn nhân và gia đình, dự án Luật cũng xác định những mục tiêu cụ thể về thực hiện quyền con người như sau:

- Thứ nhất, tạo cơ hội để các chủ thể quan hệ hôn nhân và gia đình không chỉ được hưởng năng lực pháp lý (khả năng được bình đẳng trên lý thuyết về mặt pháp lý) mà còn tạo điều kiện để họ được tiếp cận, bảo vệ các quyền, nghĩa vụ của mình, từ đó, bảo đảm được quyền con người thực chất trong hôn nhân và gia đình;

- Thứ hai, kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Đồng thời, loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu cản trở trong việc thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình;

- Thứ ba, xây dựng các định chế pháp lý để thúc đẩy thực hiện quyền con người đối với các quan hệ đặc thù, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tâm lý, văn hóa, đạo đức truyền thống của gia đình và định kiến của xã hội;

- Thứ tư, phù hợp với các quy định của sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đồng bộ với các luật hiện hành khác có liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt là Bộ luật dân sự năm 2005. Tôn trọng và có cơ chế pháp lý đầy đủ để bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bảo vệ bà mẹ, trẻ em và những người yếu thế khác; quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức khác có liên quan; lợi ích của gia đình, của Nhà nước và xã hội;

- Thứ năm, bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật về hôn nhân và gia đình nước ta với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước về hôn nhân và gia đình phù hợp với đặc điểm văn hóa, pháp lý và điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta.

3. Một số định hướng cơ bản

3.1. Kế thừa và phát triển các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986 và 2000 đã bảo đảm tốt việc thực hiện quyền con người

Căn cứ vào thực tiễn hôn nhân và gia đình, thực tiễn thi hành Luật và kết quả rà soát các quy định hiện hành có liên quan, dự thảo Luật đã kế thừa và phát triển nhiều quy định tốt về thực hiện quyền con người trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986, như kế thừa nguyên tắc và các quy định của Luật về:

- Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

- Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

- Cha, mẹ, con và các thành viên khác của gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không phân biệt đối xử đối với nhau.

- Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ.

3.2. *Sửa đổi, bổ sung các quy định không thực chất hoặc tính khả thi còn chưa cao về thực hiện quyền con người, như:*

- Quy định về áp dụng tập quán trong hôn nhân và gia đình được sửa đổi từ quy định chỉ mang tính nguyên tắc là những phong tục, tập quán thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc mà không trái với những nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình thì được tôn trọng và phát huy thành những quy định có tính thực tiễn, mang tính căn cứ, điều kiện pháp lý cụ thể hơn: các bên trong quan hệ có quyền lựa chọn tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc khi đã có quy định của pháp luật nếu không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, các điều cấm trong hôn nhân và gia đình, trong đó có vấn đề quyền con người;

- Sửa đổi tuổi kết hôn theo hướng nam, nữ đủ 18 tuổi trở lên;

- Nguyên tắc về xử lý kết hôn trái pháp luật được sửa đổi theo hướng, quy định cụ thể hơn về ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, con; người thực hiện công việc nội trợ và các công việc khác liên quan đến duy trì cuộc sống chung được xem như lao động có thu nhập;

- Quy định trách nhiệm của vợ, chồng trong cùng nhau chia sẻ, thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các lý do chính đáng khác;

- Quy định về lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng được sửa đổi theo hướng, vợ chồng “thỏa thuận” về nơi cư trú thay vì quy định vợ, chồng “lựa chọn” nơi cư trú;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đại diện giữa vợ và chồng trong quan hệ kinh doanh, trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với tài sản chung nhưng chỉ ghi tên vợ hoặc chồng cũng như trách nhiệm liên đới của vợ, chồng trong trường hợp một bên thực hiện giao dịch;

- Quy định liên quan đến duy trì, phát triển đời sống gia đình được sửa đổi theo hướng, vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận về tài sản thì thỏa thuận đó không được xâm phạm tới quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên

mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba...;

- Sửa đổi, bổ sung về căn cứ xác định tài sản chung, riêng, các nghĩa vụ chung, riêng của vợ chồng về tài sản, tài sản trong kinh doanh, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nhập tài sản riêng vào tài sản chung...;

- Quy định về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung của vợ chồng được sửa đổi theo hướng, tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì vợ, chồng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ghi tên cả hai vợ chồng trong giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng; trường hợp chỉ ghi tên một bên vợ, chồng thì áp dụng nguyên tắc suy đoán là tài sản chung nếu không có đủ căn cứ chứng minh đó là tài sản riêng;

- Các quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con được sửa đổi theo hướng, quy định cụ thể nguyên tắc bảo hộ quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ, con với nội dung quyền, nghĩa vụ giữa họ không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ, những thỏa thuận của cha mẹ mà vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của con thì vô hiệu; cụ thể hóa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cả cha mẹ và con với nhau về phát triển cá nhân, quyền nhân thân khác, tài sản, lao động và chia sẻ, thực hiện những công việc của gia đình;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về bình đẳng của cha mẹ trong thực hiện quyền, nghĩa vụ với con;

- Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được sửa đổi theo hướng, nghĩa vụ này của họ không chỉ khi ly hôn mà còn cả trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con;

- Quy định về nhận cha, mẹ, con được sửa đổi theo hướng, người nhận con có hôn nhân thì không đòi hỏi sự đồng ý của vợ hoặc chồng họ;

- Quy định về căn cứ ly hôn được sửa đổi theo hướng, dựa trên các hành vi vi phạm của vợ chồng đối với quyền, nghĩa vụ của nhau, đặc biệt các hành vi liên quan đến bạo lực gia đình, tình nghĩa vợ chồng... và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Trên cơ sở đó giải quyết hậu quả của ly hôn theo hướng, chia tài sản dựa trên công sức đóng góp và lỗi của các bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng;

- Quy định cụ thể quyền lưu cư của vợ, chồng khi ly hôn trong trường hợp có khó khăn về chỗ ở;

...

3.3. Bổ sung quy định các quan hệ có liên quan đến thực hiện quyền con người nhưng chưa được Luật hôn nhân và gia đình quy định hoặc quy định không cụ thể, như:

- Quy định về giải quyết hậu quả về nhân thân, tài sản và con giữa các bên nam, nữ chung sống như vợ chồng, trong đó quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con được ưu tiên bảo vệ; người thực hiện công việc nội trợ và các công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được xem như lao động có thu nhập; quyền, nghĩa vụ của con đối với cha mẹ mà không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ họ;

- Quy định về giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính, nhưng tôn trọng quyền được sống theo bản dạng giới, khuynh hướng tính dục, việc sống chung giữa họ;

- Quy định về quyền của vợ chồng trong lựa chọn chế độ tài sản theo luật định hoặc theo thỏa thuận; các nguyên tắc chung áp dụng đối với tất cả các cặp vợ chồng không phụ thuộc vào chế độ tài sản mà họ lựa chọn để bảo đảm vợ chồng bình đẳng trong chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, người làm công việc gia đình được xem như lao động có thu nhập, trách nhiệm của bên vi phạm quyền, nghĩa vụ tài sản...;

- Quy định nghĩa vụ, quyền của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột theo hướng họ phải có trách nhiệm với nhau khi không có những người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với họ theo quy định của pháp luật;

- Quy định về xác định cha, mẹ trong trường hợp con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

- Quy định về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan;

- Quy định về cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ;

- Quy định về vợ chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly thân theo căn cứ luật định;

- Quy định về tôn trọng, bảo vệ bí mật đời tư, quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân trong giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, như: xác định cha mẹ con, ly hôn, ly thân;

- Quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc quy định chi tiết việc giải quyết các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để có thể áp dụng kịp thời các biện pháp, rào cản kỹ thuật trong trường hợp cần thiết để bảo vệ các bên, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em;

...

3.4. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong quy định về thực hiện quyền con người giữa các luật, dự án luật có liên quan và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như:

- Cụ thể hóa những nguyên tắc được thể hiện trong các luật và các điều ước quốc tế có liên quan. Ví dụ: quy định bạo lực gia đình là một trong những điều cấm trong hôn nhân và gia đình; cụ thể hóa nguyên tắc bình đẳng giữa vợ, chồng không chỉ trong gia đình mà còn trong các quan hệ xã hội khác; quy định tuổi kết hôn nam, nữ từ đủ 18 tuổi...;

- Nhiều quy định trong Luật hôn nhân và gia đình và các luật khác¹ có liên quan chặt chẽ với nhau, trong đó có vấn đề thực hiện quyền con người cần phải có quy định

¹ Bộ luật dân sự, pháp luật hộ tịch, Luật đất đai năm 2003; Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; Luật bình đẳng giới năm 2006; Luật người cao tuổi năm 2006; Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình năm 2007; Luật Quốc tịch năm 2008; Luật nuôi con nuôi năm 2010; Luật người khuyết tật...

đồng bộ, thống nhất, như: áp dụng tập quán, quyền nhân thân của cá nhân, đại diện, giám hộ, sở hữu, giao dịch, thừa kế... Để giải quyết vấn đề này, bên cạnh sửa đổi, bổ sung Luật hôn nhân và gia đình thì cũng phải có sự sửa đổi, bổ sung đồng bộ các luật có liên quan.

Ví dụ:

(1) Để đồng bộ với quy định về công nhận, bảo vệ hôn nhân giữa các bên khác nhau về tôn giáo, dân tộc, quốc tịch, cũng như trong công nhận, bảo vệ các quyền liên quan đến cha mẹ và con được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình thì những quy định có liên quan trong Bộ luật dân sự cũng cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, như: Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *“trường hợp cha đẻ và mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của người con được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc dân tộc của mẹ đẻ theo tập quán hoặc theo thỏa thuận của cha đẻ, mẹ đẻ”*. Quy định này đã không bảo đảm thực chất trong bình đẳng giới vì con theo dân tộc của cha đẻ hay dân tộc của mẹ đẻ theo tập quán hay theo thỏa thuận của cha mẹ là do cơ quan có thẩm quyền lựa chọn và quyết định. Trên thực tế, việc áp dụng theo tập quán là phổ biến (đa số tập quán đều xác định dân tộc theo cha, một số tập quán xác định dân tộc theo mẹ) mà không dựa trên sự thỏa thuận của cha mẹ. Để bảo đảm thực chất hơn về bình đẳng trong xác định dân tộc cho con, quy định này cần được sửa đổi theo hướng *“trường hợp cha đẻ và mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của người con được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc dân tộc của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha đẻ, mẹ đẻ, nếu không có thỏa thuận thì xác định theo tập quán”*...

(2) Để đồng bộ với quy định của Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình, dự thảo Luật đã bổ sung vào một trong những hành vi bị cấm trong hôn nhân và gia đình là *“bạo lực gia đình”*; đồng bộ với pháp luật về người khuyết tật, pháp luật về người cao tuổi, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung nguyên tắc *“Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ phụ nữ, trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ”* thành *“Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ”*...

(3) Đồng bộ với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như: Công ước về chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước về quyền trẻ em... Ví dụ: việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tuổi kết hôn, cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính cũng được xem xét nhiều từ góc độ quyền con người được quy định ở các điều ước quốc tế nói trên.

3.5. Rà soát, nghiên cứu để quy định thực hiện quyền con người trong hôn nhân và gia đình vào các luật khác, văn bản dưới luật hoặc chính sách liên quan đến hôn nhân và gia đình cần được giải quyết trong Luật

Để bảo đảm phù hợp với tính đa dạng của các quan hệ hôn nhân và gia đình, tính khả thi, ổn định trong các quy định của Luật và đặc biệt để tạo điều kiện cho người dân có cơ hội được tiếp cận các quyền con người, quyền công dân thì bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cũng cần quan tâm lồng ghép vấn đề thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình vào các luật có liên quan, cụ thể hóa các quy định của Luật về thực hiện quyền con người ở các văn bản dưới luật cũng như trong xây dựng, tổ chức, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Cơ quan soạn thảo kết hợp giữa việc sửa đổi, bổ sung Luật với việc nghiên cứu, rà soát những vấn đề về thực hiện quyền con người, đặc biệt về giới, bình đẳng giới cần thiết được quy định ở các luật khác, văn bản dưới luật và chính sách, bao gồm:

(1) Những vấn đề được quy định trong các luật khác có liên quan:

Trên cơ sở các quan hệ nhân thân, tài sản trong hôn nhân và gia đình có liên quan chặt chẽ đến các luật khác nên dự thảo Luật đã lựa chọn giải pháp viện dẫn những quan hệ đặc thù được điều chỉnh ở luật chuyên ngành, như:

- Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc áp dụng quy định của Bộ luật dân sự thành áp dụng quy định của Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan trong giải quyết các quan hệ hôn nhân và gia đình;

- Các thủ tục hộ tịch về kết hôn, nhận cha, mẹ, con được áp dụng theo quy định của pháp luật hộ tịch;

- Quy định cụ thể việc áp dụng Bộ luật dân sự và các luật có liên quan vào các quan hệ: quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng giữa các bên chung sống với nhau như vợ chồng và giữa họ với người thứ ba; đại diện giữa vợ và chồng; xác định người thứ ba ngay tình trong quan hệ tài sản với vợ chồng; điều kiện có hiệu lực chung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; hình thức của giao dịch liên quan đến tài sản của vợ chồng; nghĩa vụ chung, nghĩa vụ riêng của vợ chồng về tài sản; giải quyết tài sản của vợ chồng trong trường hợp một bên chết; tài sản của vợ chồng trong kinh doanh; điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ nuôi và con nuôi; thẩm quyền xác định cha, mẹ, con; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài...

(2) Những vấn đề được quy định chi tiết trong văn bản dưới luật:

- Dự thảo Luật quy định thẩm quyền của Chính phủ trong quy định chi tiết về: áp dụng tập quán trong hôn nhân và gia đình; điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên..;

- Dự thảo Luật quy định thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp trong hướng dẫn thi hành các quy định về: xử lý việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết quan hệ tài sản giữa các bên nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, xác định nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản;

(3) Lồng ghép vấn đề thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình trong xây dựng, tổ chức, thực hiện chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội sau khi Luật được ban hành:

Qua thực tiễn thi hành Luật hôn nhân và gia đình cho thấy, nhiều quy định tiên bộ của Luật không đi vào cuộc sống vì các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chưa kịp thời thể chế hóa để công nhận, thực hiện các quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình của người dân, do đó, để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền, dự thảo

Luật đã bổ sung quy định “*Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thi hành Luật hôn nhân và gia đình; quản lý nhà nước về công tác gia đình; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình; công nhận, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của các thành viên gia đình; chủ động phòng, chống bạo lực gia đình và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình nhằm xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác về công tác gia đình*”.

Từ quy định trên, khi Luật hôn nhân và gia đình được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ có trách nhiệm thể chế hóa, tổ chức, thực hiện các hoạt động có liên quan để kịp thời công nhận, thực hiện các quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình của người dân nói chung, trong đó có bảo đảm quyền con người.

Xuất phát từ tính chất của quan hệ hôn nhân và gia đình vốn chịu ảnh hưởng, tác động lớn từ nhận thức, hành vi, tâm lý, tập quán, định kiến xã hội, nhất là trong tổ chức triển khai các chức năng, điều kiện sống của gia đình, tâm sinh lý vợ chồng, ứng xử giữa các thành viên gia đình... thì để bảo đảm cho quy định của Luật đi vào cuộc sống thì Chính phủ, các tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan, tổ chức khác có liên quan phải tổ chức thực hiện và người dân được quyền tiếp cận với những nhóm giải pháp sau:

- Hoàn thiện hệ thống chính sách về thực hiện quyền con người, lồng ghép vấn đề thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình trong các chính sách, pháp luật, chương trình, chiến lược;

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về quyền con người nói chung, quyền con người về hôn nhân và gia đình nói riêng cho đội ngũ cán bộ, công chức và toàn thể người dân;

- Phát triển các hệ thống dịch vụ có chất lượng, hiệu quả để hỗ trợ cho người dân tiếp cận và thực hiện được các quyền của mình trong hôn nhân và gia đình;

- Có cơ chế huy động nguồn lực từ xã hội và ngân sách của Nhà nước cho việc thực thi quyền con người về hôn nhân và gia đình;

- Tăng cường các nghiên cứu liên quan đến thực hiện quyền con người nói chung, quyền con người về hôn nhân và gia đình nói riêng nhằm cung cấp cơ sở khoa

học vững chắc cho việc hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật về vấn đề này trong hôn nhân và gia đình;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương và phi Chính phủ, nâng cao hiệu quả hội nhập để người dân có nhiều cơ hội hơn trong tiếp cận các quyền con người nói chung, quyền con người về hôn nhân và gia đình nói riêng;

- Nâng cao năng lực, thể chế về thực hiện quyền con người trong hôn nhân và gia đình.

III. Dự báo tác động của các quy định về thực hiện tốt hơn quyền con người trong dự án Luật khi được ban hành

- Trên cơ sở quy định quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình cụ thể hơn, định hướng nhiều chuẩn mực ứng xử phù hợp với thực tiễn hơn, bảo vệ tốt hơn những chủ thể dễ bị tổn thương, bị xâm phạm liên quan đến bình đẳng giới thì người dân, đặc biệt phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác có thể lựa chọn những ứng xử phù hợp nhất cho bản thân mình, các con và gia đình;

- Bằng những quy định kết hợp hài hòa giữa tôn trọng quyền tự quyết, sự phát triển cá nhân, sự thỏa thuận với sự ổn định của gia đình, lợi ích của các con, trật tự của xã hội và văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc thì người dân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác vừa vẫn có thể thực hiện tốt các trách nhiệm đối với gia đình, xã hội vừa có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận, thực hiện các quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình của mình;

- Bằng những quy định kết hợp hài hòa giữa giải quyết các quan hệ trong hôn nhân và gia đình với các quan hệ xã hội khác có liên quan thì người dân, đặc biệt phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác bên cạnh thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong gia đình thì vẫn có thể tham gia các hoạt động học tập, nghề nghiệp, kinh doanh và các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội khác phù hợp với nguyện vọng của mình;

- Bằng những quy định linh hoạt, bám sát thực tiễn thì vừa vẫn thể hiện quan điểm Nhà nước về việc không thừa nhận những quan hệ không bảo đảm các điều kiện pháp lý theo luật định vừa giúp cho người dân được tiếp cận cơ chế pháp lý trong giải quyết hậu quả của những quan hệ này, giúp người dân hạn chế được sự phân biệt đối

xử với mình, được công nhận, thực hiện, bảo vệ tốt hơn các quyền, lợi ích hợp pháp, đặc biệt của phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác;

- Bằng các quy định về thủ tục thuận lợi giúp cho người dân, đặc biệt phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác có thể được tiếp cận tốt hơn về quyền yêu cầu và quyền được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu liên quan đến công nhận, thực hiện, bảo vệ các quyền trong hôn nhân và gia đình;

- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có căn cứ pháp lý đầy đủ hơn, thủ tục thuận lợi hơn trong việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

TỔNG QUAN VỀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI) VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LUẬT TỪ GÓC ĐỘ CƠ QUAN THẨM TRA

NGUYỄN THUYẾT ANH
Phó Chủ nhiệm
Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội

Nội dung trình bày

- Quá trình chuẩn bị thẩm tra
- Quan điểm xây dựng dự án Luật
- Một số nội dung dự án Luật từ góc độ của cơ quan thẩm tra

2

Nội dung trình bày

- Quá trình chuẩn bị thẩm tra
- Quan điểm xây dựng dự án Luật
- Một số nội dung dự án Luật từ góc độ của cơ quan thẩm tra

2

Quá trình chuẩn bị thẩm tra

- Ủy ban về các vấn đề xã hội được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân công chủ trì thẩm tra (các Luật hôn nhân và gia đình trước đó do Ủy ban pháp luật thẩm tra), Hội đồng dân tộc, Ủy ban pháp luật và các Ủy ban khác phối hợp thẩm tra.
- Nghiên cứu quá trình xây dựng các Luật hôn nhân và gia đình, đặc biệt Luật hiện hành; các văn bản, tài liệu liên quan
- 2 Hội thảo, 7 Tọa đàm chuyên gia
- 3 Hội nghị khu vực để lấy ý kiến
- Giám sát việc thực hiện pháp luật hôn nhân và gia đình kết hợp lấy ý kiến tại 7 địa phương³

Quan điểm xây dựng dự án (1)

- Thống nhất quan điểm của Ban soạn thảo
- Bổ sung 2 quan điểm (đã được Ban soạn thảo tiếp thu):
 - - Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa việc gìn giữ, phát triển các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức, truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam với quá trình thay đổi của gia đình hiện đại và đời sống xã hội

4

Quan điểm xây dựng dự án (2)

- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế nhưng phải phù hợp với đặc điểm văn hóa, pháp lý và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay của Việt Nam.
- Đồng thời, nhấn mạnh: kế thừa, củng cố và phát huy những kết quả tích cực đã đạt được trong quá trình thực thi Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

5

Một số nội dung của dự án Luật từ góc độ của cơ quan thẩm tra

6

Áp dụng tập quán (1)

- Luật hiện hành: đối với các phong tục, tập quán không trái với những nguyên tắc luật định thì “*được tôn trọng và phát huy*” trong quan hệ hôn nhân và gia đình
- Dự thảo Luật đã bổ sung khái niệm “*tập quán về hôn nhân và gia đình*” (Khoản 2, Điều 7), đồng thời, quy định các điều kiện đối với tập quán được áp dụng trong quan hệ hôn nhân và gia đình (Điều 6).

7

Áp dụng tập quán (2)

- Tán thành với quan điểm tiếp tục áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình
- đề nghị Ban soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu để xử lý các vấn đề sau:
 - - Liệu có đặt ưu tiên tập quán lên trên pháp luật
 - - Sự phù hợp với Điều 3 của Bộ luật dân sự.
 - - Điều kiện và thẩm quyền công nhận “*tập quán*” trở thành “*tập quán pháp*”, quy trình áp dụng tập quán pháp trong hôn nhân và gia đình.

8

Điều kiện kết hôn (1)

- Tuổi kết hôn:
 - - Có các loại ý kiến khác nhau : như dự thảo; như hiện hành, thêm “tử đủ”; như hiện hành
 - - Tán thành quy định của dự thảo Luật.

9

Điều kiện kết hôn (2)

- Về điều kiện năng lực hành vi dân sự:
- - Tán thành với sửa đổi này nhưng phải đảm bảo quá trình thực hiện không làm phát sinh thêm thủ tục, gây phiền hà cho người dân khi đi đăng ký kết hôn.
- - Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ việc tổ chức thực hiện, hướng xử lý các tranh chấp do việc quy định là điều kiện kết hôn không yêu cầu thủ tục xác nhận năng lực hành vi dân sự khi đăng ký kết hôn.

10

Điều kiện kết hôn (3)

- Về quy định giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính (Điều 16)
- Dự thảo Luật bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính, đồng thời, khẳng định Nhà nước không thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa họ và bổ sung quy định giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính về quan hệ tài sản, xác định cha, mẹ, con và quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con...

11

Điều kiện kết hôn (4)

- Về quy định giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính (Điều 16)
- 2 loại ý kiến:
 - - Đồng ý với quy định như dự thảo Luật, vì quan niệm và nhận thức của xã hội đã thay đổi, quyền con người, giải quyết hậu quả
 - - Giữ quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính vì kết hôn là xác lập quan hệ vợ chồng giữa nam và nữ; đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống gia đình Việt Nam; chức năng duy trì nòi giống của gia đình

12

Điều kiện kết hôn (5)

- Về quy định giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính (Điều 16)
- Ủy ban tán thành với dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo: đánh giá đầy đủ việc thực hiện quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính; nghiên cứu thực tế; nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong khu vực, các nước có các điểm tương đồng về truyền thống văn hóa với Việt Nam; đánh giá tác động về mặt xã hội, văn hóa, tâm lý... đối với việc sửa đổi quy định này phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

13

Việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

- Luật hiện hành: “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”, NQ 35 của QH và việc thực hiện
- Dự thảo “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quan hệ hôn nhân”, các Điều 13, 14, 15 là phù hợp, có sự kế thừa và nhất quán về chính sách.
- Khái niệm “Chung sống như vợ chồng”

14

Chế độ tài sản của vợ chồng (1)

- Các quy định chung về chế độ tài sản của vợ chồng: tán thành với các sửa đổi, bổ sung này, song một số vướng mắc trong thực tiễn thi hành Luật như: định đoạt tài sản chung có giá trị lớn và là nguồn sống duy nhất của gia đình, quyền yêu cầu chia tài sản chung của người thứ ba, chia tài sản chung để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ riêng, các thủ tục pháp lý như cùng đứng tên, ủy quyền đứng tên trong xác lập quyền sở hữu, quyền kinh doanh, quyền giao dịch... cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ thêm

15

Chế độ tài sản của vợ chồng (2)

- Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận : Ủy ban tán thành việc bổ sung chế độ tài sản ước định
- đối với tài sản của vợ chồng, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của gia đình và bản thân Tuy nhiên có nêu ra 2 loại ý kiến:

16

Chế độ tài sản của vợ chồng (3)

- - Đồng ý bổ sung chế độ tài sản theo thỏa thuận:
- + Quyền tài sản là một trong các quyền cơ bản của cá nhân, người dân có thêm sự lựa chọn, không cản trở việc thực hiện chế độ tài sản theo luật định
- + Bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền sở hữu, quyền tự thỏa thuận, tự định đoạt và tự chịu trách nhiệm về tài sản.
- + Các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp có thêm căn cứ pháp lý khả thi, linh hoạt hơn, đỡ tốn kém hơn trong giải quyết các vụ việc liên quan đến tài sản trong hôn nhân và gia đình.

17

Chế độ tài sản của vợ chồng (4)

- Không đồng ý bổ sung chế độ tài sản theo thỏa thuận:
- + Quan hệ hôn nhân và gia đình là quan hệ rất đặc biệt, khác với quan hệ giữa hai cá nhân thông thường, việc thỏa thuận về tài sản trước hôn nhân không phù hợp với văn hóa truyền thống, đạo lý vợ chồng của Việt Nam, trách nhiệm với con cái;
- + Quan hệ hôn nhân gắn với yếu tố tình cảm, nếu có thỏa thuận như dạng hợp đồng mang tính chất phân định rạch ròi, sòng phẳng sẽ làm mất ý nghĩa của hôn nhân...;
- + Quy định này có thể bị lợi dụng do các hành vi tham nhũng, lừa đảo, tẩu tán tài sản.

18

Bổ sung chế định ly thân (1)

- Cần bổ sung chế định này vì: đáp ứng nhu cầu thực tiễn của một số gia đình (không còn tình cảm vợ chồng nhưng cũng không muốn ly hôn hoặc đang cân nhắc việc quyết định ly hôn), giúp các cặp vợ chồng có thêm cơ hội lựa chọn cho tình trạng hôn nhân của họ, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan và có căn cứ pháp lý để giải quyết các quan hệ về tài sản, xác định nghĩa vụ đối với cha mẹ, con cái, trách nhiệm của vợ chồng cấp dưỡng cho nhau... Quy định này cũng không cản trở quyền lựa chọn ly thân thực tế của các cặp vợ chồng hiện nay.

19

Bổ sung chế định ly thân (2)

- Cân nhắc vì chưa đủ căn cứ thực tế.
- - Ly thân là một hiện tượng xã hội đã tồn tại trên thực tế, nhưng với đặc điểm văn hóa Việt Nam, rất ít người muốn công khai tình trạng này.
- Ly thân là sự thỏa thuận mang tính riêng tư, không cần thiết sự can thiệp của Tòa án.
- Nếu cần giải quyết vấn đề tài sản thì dự thảo Luật đã có quy định về chia tài sản chung và quyền không nhập tài sản riêng vào tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.
- Lợi dụng ly thân, biến ly thân thành “hôn nhân treo”, phụ nữ, trẻ em là đối tượng chịu thiệt thòi

20

Bổ sung chế định ly thân (3)

- Ý kiến Ủy ban: việc bổ sung chế định này có thể xem xét quy định trong dự thảo :
- - Với điều kiện chế định ly thân theo luật không ảnh hưởng đến ly thân thực tế mà là tăng thêm sự cân nhắc, lựa chọn cho vợ chồng, do vợ chồng quyết định, không phải là bước để tiến tới ly hôn.

21

Bổ sung chế định ly thân (4)

- - Tòa án chỉ giải quyết ly thân khi vợ chồng có yêu cầu, Tòa án sẽ xác định rõ trách nhiệm các bên đối với con cái và minh bạch trong vấn đề tài sản. Việc Tòa án xác nhận tình trạng ly thân có thể giúp bảo vệ nạn nhân của BGD, ngăn ngừa những hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra nếu cuộc sống chung vẫn tiếp diễn.
- - Hòa giải phải là khâu bắt buộc trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu ly thân, tạo cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

22

Bổ sung chế định ly thân (5)

- Ủy ban đề nghị Cơ quan soạn thảo:
- - Làm rõ thêm bản chất của ly thân, căn cứ thực tiễn của việc bổ sung chế định ly thân;
- - cơ sở của các quy định xử lý như nhau trong trường hợp ly thân và ly hôn, thủ tục giải quyết yêu cầu ly thân;
- - Tính phù hợp của quy định “*khi ly thân chấm dứt thì việc chia tài sản khi ly thân vẫn có hiệu lực*”;

23

Bổ sung chế định ly thân (6)

- Việc thụ lý và giải quyết của Tòa án trong trường hợp một bên có yêu cầu ly hôn và bên kia có yêu cầu ly thân;
- - Con được sinh ra trong thời kỳ ly thân;
- - Xử lý các trường hợp lợi dụng quy định này để trốn tránh nghĩa vụ chung của vợ, chồng;
- - Làm rõ nội hàm của quy định vợ chồng “*có nghĩa vụ sống chung với nhau*”.

24

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (1)

- Ý kiến tán thành cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo:
- - Đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của các cặp vợ chồng không có khả năng sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, góp phần bảo vệ hạnh phúc gia đình.
- Tiến bộ của y học trong nước có thể thực hiện được việc này, nếu pháp luật không điều chỉnh thì một bộ phận người dân có nhu cầu vẫn thực hiện, sẽ phát sinh nhiều hệ lụy trước mắt và lâu dài. Do đó, cần bổ sung quy định này trong Luật và phải quy định chặt chẽ, cụ thể.

25

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (2)

- Ý kiến đề nghị cần nghiêm cấm việc mang thai hộ với bất kỳ mục đích nào vì:
 - - Nhạy cảm, phức tạp, dễ bị lợi dụng và chưa phù hợp với văn hóa Việt Nam.
 - - Cần đánh giá mang thai hộ có thực sự mang lại kết quả hạnh phúc bền vững cho gia đình hay không,
 - - Xử lý các xung đột với pháp luật, tranh chấp phát sinh do việc mang thai hộ cũng là vấn đề nên cân nhắc.
 - - Nhiều nước trên thế giới vẫn quy định cấm mang thai hộ.

26

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (3)

- Ý kiến Ủy ban: cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thể hiện tính nhân văn, tạo cơ hội cho một số cặp vợ chồng được thực hiện quyền làm cha, làm mẹ chính đáng. Tuy nhiên, vì đây là vấn đề mới, chưa có kinh nghiệm thực tiễn nên các quy định phải rất chặt chẽ, điều kiện phải rõ ràng cũng như các vấn đề về hình thức pháp lý của thỏa thuận, bảo đảm quyền cho các bên và nhất là đưa trẻ được sinh ra trong trường hợp này. Nếu không, sẽ tạo điều kiện hợp pháp hóa cho mục đích thương mại hoặc buôn bán trẻ em.

27

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (4)

- Ủy ban đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu để quy định cụ thể hơn một số vấn đề sau:
- - Các nội dung của thỏa thuận xác lập việc mang thai hộ;
- - Vấn đề mang thai hộ có yếu tố nước ngoài;
- - Việc xung đột quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trong thời gian từ khi đứa trẻ được sinh ra đến khi giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ;

28

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (5)

- - Việc bảo vệ quyền lợi của người mẹ và trẻ em, bảo vệ quyền người mang thai hộ trong một số trường hợp như trẻ sinh ra bị khuyết tật và vợ chồng nhờ mang thai hộ không nhận con, các rủi ro trong quá trình mang thai hộ và sinh con như trường hợp người mang thai hộ mắc bệnh do mang thai hộ (băng huyết, thai chết lưu...) hoặc chết (kể cả do mang thai hộ hoặc không phải do mang thai hộ...);
- - Vấn đề thừa kế trong trường hợp đứa con chưa được sinh ra mà bố hoặc mẹ nhờ mang thai hộ chết, bên mang thai hộ không chịu giao con cho vợ chồng nhờ mang thai;

29

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (6)

- - Một người được mang thai hộ mấy lần (cho các cặp vợ chồng khác nhau)? Số người mang thai hộ cho cùng một cặp vợ chồng?
- - Dự báo tất cả các trường hợp có thể xảy ra để quy định chặt chẽ;
- - Đánh giá tác động liên quan của quy định mang thai hộ đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác và một số quy định chuyên môn phải điều chỉnh trong các pháp luật chuyên ngành khác như y tế, dân số...

30

Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (1)

- Các sửa đổi trong dự thảo là cần thiết, tạo khuôn khổ pháp lý để giải quyết những bất cập trong thực tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, đối tượng chịu nhiều tác động của các quy định về vấn đề hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
- Cần nhắc khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (khoản 25, Điều 7).

31

Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (2)

- Cần rà soát một số vấn đề như: thẩm quyền giải quyết ly thân có yếu tố nước ngoài, áp dụng luật khi giải quyết tranh chấp về quan hệ nhân thân, tài sản giữa vợ, chồng khi hôn nhân có yếu tố nước ngoài đang tồn tại, việc thừa nhận quyền vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản; việc xử lý hậu quả của hôn nhân đồng giới có yếu tố nước ngoài; việc đảm bảo tính thống nhất, tương thích với các quy định về thẩm quyền của Tòa án trong Bộ luật tố tụng dân sự, với các điều ước quốc tế và các hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, hôn nhân và gia đình...

32

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật (3)

- Các quy định của dự thảo đã đảm bảo các nguyên tắc bình đẳng giới như: khẳng định quyền tự nguyện, không phân biệt đối xử trong kết hôn, thừa nhận quan hệ hôn nhân một vợ, một chồng; quyền bình đẳng của vợ, chồng trong gia đình; lao động trong gia đình được coi như lao động sản xuất; chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ...

33

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật (4)

- Dự thảo Luật đã khắc phục được một số vấn đề bất bình đẳng giới của Luật hiện hành và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như quy định bình đẳng về tuổi kết hôn tối thiểu đối với cả nam và nữ là từ đủ 18 tuổi; bổ sung một số quy định cấm liên quan đến vấn đề giới; quy định giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn.

34

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật (5)

- Cần được tiếp tục nghiên cứu ở góc độ bình đẳng giới những vấn đề sau:
 - - Áp dụng tập quán ngay cả khi pháp luật có quy định liệu có tiềm ẩn nhiều nguy cơ tạo ra bất bình đẳng.
 - - Một số quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo chưa bảo vệ quyền và lợi ích của người phụ nữ nhận mang thai hộ và đứa trẻ sinh ra trong trường hợp này.

35

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật (6)

- - Cân nhắc việc giới hạn về giá trị giao dịch không cần hỏi ý kiến của một bên vợ hoặc chồng; việc cho phép người đang trực tiếp kinh doanh là đại diện đương nhiên của bên kia (Điều 25); cho phép người đứng tên tài khoản ngân hàng, tài khoản chứng khoán hoặc đang chiếm hữu tài sản mà theo quy định của pháp luật không phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng có quyền thực hiện giao dịch liên quan đến các tài sản đó mà không cần hỏi ý kiến của vợ hoặc chồng (Điều 32) có thể làm thiệt hại tới quyền của vợ hoặc chồng là đồng chủ sở hữu...

36

Xin cảm ơn sự theo dõi!

37

**NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CHÍNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM
2000 – GÓC NHÌN TỪ QUYỀN CON NGƯỜI**

Đại diện UNDP

Common Goals, Collective Action



**Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Hôn nhân
và gia đình 2000 – Góc nhìn từ
quyền con người
Những khuyến nghị chính**



Cơ sở của các khuyến nghị

- Bình luận chung của UN được chuẩn bị bởi UNDP, UN Women và UNAIDS, dựa trên bản dự thảo luật sửa đổi ngày 20 tháng 10, đã được Điều phối viên Liên Hợp Quốc gửi tới Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội
- Những bình luận này tập trung vào vấn đề **bình đẳng giới** và **nguyên tắc bình quyền** cho phù hợp với thực tiễn hôn nhân và gia đình đang thay đổi của xã hội Việt Nam
- Các bình luận dựa trên:
 - Các nguyên tắc và diễn giải của Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)
 - Các công ước và các hiệp định quốc tế khác mà Việt Nam đã ký
 - Các phát hiện, án lệ và bình luận pháp lý của các tổ chức công pháp quốc tế



Khuyến nghị chung

- Để tránh nhầm lẫn trong giải thích từ ngữ và tránh sự phân biệt đối xử về giới tiềm ẩn
 - Thay từ “vợ và chồng” bằng từ mang tính trung lập về giới “*bên phối ngẫu*”, “*các bên phối ngẫu*” hoặc “*cá nhân*”
 - Tránh các qui định dựa trên hệ nhị giới (dựa trên hai giới “*nam nữ*”) nhằm tránh phân biệt đối xử đối với người chuyển giới và người liên giới tính
 - Ví dụ
 - Điều 2 (1): “Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ giữa *hai người* bình đẳng với nhau.”
 - Điều 7 (3): “Kết hôn” nên được định nghĩa là một hành động khi *hai người* xác lập *quan hệ hôn phối* với nhau theo quy định...”



Các nguyên tắc cơ bản

• Điều 2 (5)

- Về truyền thống văn hóa và đạo đức: bổ sung câu “... khi các nguyên tắc này không phân biệt đối xử hoặc vi phạm quyền con người dành cho mọi cá nhân theo quy định của Hiến pháp Việt Nam.”

• Điều 2 (6)

- để tránh củng cố định kiến về vai trò sinh sản của phụ nữ, sửa lại cụm từ cuối câu thành “...; giúp đỡ các cha mẹ thực hiện tốt chức năng của mình thông qua việc giúp đỡ cả hai cha mẹ như là những đối tác bình đẳng trong việc nuôi dạy con.”



Giải thích từ ngữ

• Điều 7 (21):

- Danh sách những “**nhu cầu thiết yếu**” cần được mở rộng để bao gồm cả nơi trú ngụ, nước và điều kiện vệ sinh, và phương tiện giao thông

• Điều 7

- Bổ sung qui định về “**phân biệt đối xử dựa trên giới**”, và định nghĩa cụm từ này để bao hàm bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế nào mà không đảm bảo phụ nữ và trẻ em gái có quyền bình đẳng như nam giới và trẻ em trai trong quan hệ hôn nhân và gia đình, tiếp cận hàng hóa và dịch vụ, cơ hội giáo dục và tiên bộ bản thân, quyền tài sản và thừa kế và quyền ra quyết định
- Bổ sung qui định về “**lợi ích chính đáng của phụ nữ và trẻ em**” và định nghĩa cụm từ này để bao hàm cả nguồn lực vật chất và tài chính đủ nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của phụ nữ và trẻ em, và tạo điều kiện cho sự trưởng thành và phát triển riêng và chung của họ.



Chung sống: Giải thích từ ngữ

- Điều 7 (5)
 - Thay cụm từ “*chung sống như vợ chồng*” với thuật ngữ đã được quốc tế công nhận, như “*chung sống trên thực tế*”
 - Định nghĩa đề xuất: “*Chung sống trên thực tế là việc hai người thỏa thuận tổ chức cuộc sống chung một cách ổn định, liên tục và coi nhau là đối tác phối ngẫu*”
- Điều 7 (16)
 - Đảm bảo định nghĩa “**gia đình**” bao gồm những người sống cùng nhau trong quan hệ cùng chung sống
- Điều 7 (18)
 - Đảm bảo rằng định nghĩa về “**thành viên gia đình**” bao gồm và áp dụng cho những người gắn bó với nhau bởi quan hệ chung sống, và phát sinh ra các quyền và nghĩa vụ giữa họ như được đề cập trong Luật



Chung sống: Nguyên tắc bình quyền

Trong Khuyến nghị chung năm 1994 số 21, Bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình, Ủy ban CEDAW đã tuyên bố là phụ nữ và nam giới chung sống như vợ chồng trên thực tế “*phải bình đẳng ... trong cuộc sống gia đình ... chia sẻ thu nhập và tài sản ... chăm sóc và nuôi dạy con.*”

Thêm vào đó, theo luật quốc tế về quyền con người, nghĩa vụ bảo vệ cá nhân khỏi bị đối xử phân biệt trên cơ sở xu hướng tình dục được mở rộng để đảm bảo những cặp đồng giới không kết hôn được đối xử bình đẳng và hưởng lợi ích tương tự như những cặp khác giới không kết hôn.



Chung sống: Những khuyến nghị

Phương án 1:

- Bổ sung các quy định mở rộng hơn với đối tượng chung sống trên thực tế có **quyền và nghĩa vụ thực sự tương tự** như những cặp đôi có đăng ký kết hôn trong kết hôn, ly thân, di di, và nuôi dạy con, bao gồm tất cả những vấn đề liên quan đến tài sản, nhận con nuôi, mang thai hộ, quyền và trách nhiệm trong gia đình, v.v.
- Luật sửa đổi nên quy định các cặp đôi cùng giới tính chung sống trên thực tế có **quyền và nghĩa vụ thực sự tương tự** như các cặp đôi khác giới chung sống trên thực tế
- Xoá bỏ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16.



Chung sống: Những khuyến nghị

Phương án 2:

- Tuy nhiên, nếu Việt Nam vẫn hạn chế quyền của những người sống chung trên thực tế, chúng tôi khuyến nghị:
 - Làm cụ thể hơn Điều 13 để đảm bảo mô tả rõ ràng hơn những điều kiện mà tài sản chung được xác lập giữa hai bên, trong trường hợp không có thoả thuận về tài sản.
 - Đảm bảo Điều 13, 14, 15, 16 bao quát được **hậu quả pháp lý chính** có thể phát sinh trong các quan hệ chung sống trên thực tế:
 - hậu quả về làm cha mẹ
 - hậu quả vật chất (bao gồm tài sản, bảo trợ xã hội, hoặc các lợi ích vật chất khác,
 - các hậu quả pháp lý khác (ví dụ: bảo vệ trong trường hợp bạo lực gia đình, vợ/chồng nước ngoài của người có quốc tịch Việt Nam có quyền được cấp phép định cư...)
 - Xoá bỏ và sửa các điều khoản tạo ra sự chênh lệch pháp lý giữa các cặp đôi khác giới sống chung trên thực tế và các cặp đôi cùng giới sống chung trên thực tế.
 - Xoá Điều 16, vì Điều 16 sẽ bị thừa sau khi những thay đổi như gợi ý phía trên được áp dụng.



Tài sản chung và tài sản riêng

Nguyên tắc CEDAW và Khuyến nghị chung số 21 của CEDAW qui định:

“Các bên phối ngẫu có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung cho dù tài sản đó là tài sản được cho không hay là tài sản có giá trị lớn”



Tài sản chung và tài sản riêng

- Chúng tôi khuyến nghị:

- Sửa đổi Điều 25 và 26 để đảm bảo các điều kiện về quyền quyết định tài sản chung ở Điều 35 không bị ảnh hưởng
- Điều 30: Qui định việc bảo vệ nhà chung là một phương pháp thiết thực và ngày càng phổ biến để bảo vệ quyền của phụ nữ trong việc sử dụng nhà trong hôn nhân cũng như trong quá trình chấm dứt hôn nhân.
- Đảm bảo sự nhất quán giữa qui định về tài sản chung (Điều 33) với qui định về phân chia tài sản thừa kế hoặc trong trường hợp một trong hai bên phối ngẫu chết (Điều 70)
- Cần có hướng dẫn để xác định giá trị của lao động trong gia đình và công việc nội trợ xét từ khía cạnh đóng góp của lao động trong gia đình vào tài sản chung (Điều 15, 59 (2b) và 61).



Ly thân và ly dị

- Đảm bảo rằng quá trình phân chia tài sản trong ly hôn là công bằng và hợp pháp, và đảm bảo rằng thỏa thuận không có dấu hiệu của sự gian lận, cưỡng ép, hoặc do sức ép của bạo lực gia đình.
- Cho phép phụ nữ và con được ở lại trong ngôi nhà chung
 - trước khi hai bên đạt được thỏa thuận về tài sản
 - trong trường hợp bạo lực gia đình.
- Đảm bảo rằng lương hưu trí của người chết tiếp tục được cung cấp cho người phụ thuộc còn sống.
- Hướng dẫn chi tiết về mức cấp dưỡng phù hợp và phương thức cấp dưỡng cho con; đồng thời đưa ra các biện pháp cưỡng chế cấp dưỡng con một cách hiệu quả



Quyền trẻ em và cấp dưỡng

- Bổ sung quy định người cha phải có nghĩa vụ đóng góp chi phí chăm sóc cho người mẹ trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ đứa con, cả trong quan hệ chung sống và đăng ký kết hôn.
- Tăng cường yêu cầu cấp dưỡng cho trẻ được sinh ra bởi bà mẹ đơn thân
- Đưa ra các điều khoản qui định trẻ em có quyền đều được đối xử ngang nhau
 - Không có sự phân biệt đối với trẻ được sinh ra bởi bà mẹ đơn thân; và
 - Không có sự phân biệt đối với con trẻ dựa trên xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới của cha mẹ



Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

- Bảo vệ quyền cho phụ nữ Việt Nam được giữ lại quốc tịch khi kết hôn với người nước ngoài, hoặc khi người chồng thay đổi quốc tịch;
- Đảm bảo người nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam có quyền bình đẳng về định cư, quốc tịch, việc làm và bảo hiểm xã hội tại Việt Nam;
- Bảo vệ quyền cho người phối ngẫu là người Việt Nam và con của họ trong trường hợp ly thân hoặc ly hôn khi họ sống ở nước ngoài, hoặc khi một trong hai bên phối ngẫu sống ở nước ngoài.



Các khuyến nghị chung

- Quốc hội nên xem xét kéo dài thời gian tham vấn về dự thảo luật sửa đổi, đặc biệt là việc lấy ý kiến của các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dự luật
- Dự thảo sửa đổi cần được thông qua cùng lúc với việc sửa đổi các luật và điều khoản liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề hôn nhân và gia đình ở các luật khác, ví dụ:
 - Luật hộ tịch
 - Luật nuôi con nuôi
 - Bộ luật dân sự



XIN CẢM ƠN

DỰ ÁN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI) DƯỚI GÓC NHÌN TỪ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

KHUẤT THU HỒNG
Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội

Trong những năm gần đây, có nhiều thay đổi diễn ra trong quan hệ hôn nhân và gia đình vừa như là kết quả vừa như là nguyên nhân của những thay đổi kinh tế xã hội lớn kể từ khi Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập vào thế giới. Hiện tượng nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn mặc dù chưa phổ biến nhưng có xu hướng gia tăng. Hiện tượng sống chung và hơn thế nữa là tổ chức hôn lễ mà không đăng ký giữa những người cùng giới tính cũng thu hút sự quan tâm của xã hội. Đặc biệt hơn là cùng với những tiến bộ của các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản hiện tượng mang thai hộ đã xuất hiện ở một vài địa phương. Nhận thức được tầm quan trọng của những vấn đề trên đối với gia đình và xã hội, trong thời gian vừa qua Quốc Hội Việt Nam và Bộ Tư pháp cùng một số cơ quan, tổ chức hữu quan đã triển khai dự án bổ sung và sửa đổi một số điểm của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nhằm đáp ứng được yêu cầu của người dân, phù hợp với những thay đổi của gia đình trong thời đại mới đồng thời tiến thêm một bước trong việc hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền con người.

Quá trình dự thảo Luật sửa đổi đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi của xã hội từ những góc độ khác nhau. Trong tham luận này tôi sẽ thảo luận về những điểm mới trong Dự thảo Luật sửa đổi từ góc độ của người nghiên cứu xã hội độc lập và trong một chừng mực nhất định như một trong những tiếng nói đại diện cho các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam.

Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi (từ nay sẽ được đề cập là Dự thảo Luật sửa đổi) là một bước tiến dài so với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (từ nay sẽ được đề cập là Luật năm 2000). Bên cạnh việc điều chỉnh và làm rõ một số quy định trong Luật năm 2000 cũ, Dự thảo Luật còn bổ sung một số điểm mới nhằm đáp ứng những thay đổi xã hội đang diễn ra theo chiều hướng ngày càng đa dạng và phức tạp. Trong số những điểm mới bổ sung và/hoặc điều chỉnh, nổi bật là những nội dung đề cập đến việc nam, nữ sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, việc chung sống giữa những người cùng giới tính và vấn đề mang thai hộ. Nỗ lực để lồng ghép quan điểm giới cũng được thể hiện khá xuyên suốt trong Luật Sửa đổi. Trong tham luận này tôi sẽ lần lượt thảo luận về các vấn đề nói trên.

1. Về việc nam nữ chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn:

Trước hết, có lẽ cần phải xác định rõ hơn rằng điều này nói đến việc chung sống của không có đăng ký kết hôn của một cặp nam, nữ không có vợ/chồng, hay nói cách khác là của một người nam và một người nữ mà chưa bao giờ kết hôn hoặc đã ly hôn hay góa². Những cặp nam, nữ như vậy mà “chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn” có thể thuộc một trong hai nhóm sau đây. Nhóm thứ nhất bao gồm những cặp đôi mà sau một thời gian chung sống có thể chia tay để bước vào một mối quan hệ khác và có thể sẽ tiếp tục cho đến khi họ quyết định đăng ký kết hôn với người mà họ ưng ý nhất. Nhóm thứ hai gồm những cặp nam, nữ chung sống với nhau rất nhiều năm, thậm chí cả đời nhưng vẫn không đăng ký kết hôn và không tổ chức lễ cưới.

Cho đến gần đây, việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn luôn luôn là một thực tế xã hội ở Việt Nam song chưa bao giờ được đặt trong phạm vi điều chỉnh của luật pháp. Thay vào đó, hiện tượng này thường bị đặt trong phạm trù đạo đức với những hình thức phê phán, thậm chí là trừng phạt nặng nề đối với những người vi phạm, đặc biệt là nhóm thứ nhất. Tuy Luật 2000 không đề cập đến vấn đề này, nhưng theo tinh thần của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì kể từ ngày 1/1/2013

² Để phân biệt với trường hợp người nam hoặc nữ đang có vợ/chồng mà chung sống như vợ chồng với một người khác (có thể có vợ/chồng hoặc không).

trở đi nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ khi Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và chịu tác động ngày càng mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, thái độ xã hội đối với tình dục trước hôn nhân cũng cởi mở hơn. Hiện tượng nam, nữ không có vợ/chồng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn ngày càng tăng, nhất là trong nhóm nam nữ thanh niên chưa từng kết hôn ở khu vực đô thị. Cho đến nay chưa có một nghiên cứu nào đủ tầm cỡ để đưa ra các số liệu khái quát về tỉ lệ nam, nữ không có vợ chồng sống chung như vợ chồng ở cấp độ quốc gia. Tuy nhiên, các nghiên cứu quy mô nhỏ và các nghiên cứu định tính, đặc biệt là báo chí^{3, 4}, trong những năm qua đã khẳng định xu hướng ngày càng phổ biến hơn của hiện tượng chung sống của sinh viên và công nhân trong các khu công nghiệp với người yêu của mình. Mặc dù hiện tượng này được đặt tên là “sống thử”^{5, 6} nhưng hầu hết đều xuất phát từ tình yêu và thường là với mong muốn được gắn bó với nhau lâu dài. Trong thực tế nhóm này nên được gọi là “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà chưa đăng ký kết hôn”. Sau một thời gian chung sống họ có thể đi đến hôn nhân, nếu không thấy phù hợp họ sẽ chia tay để bước vào một mối quan hệ mới.

Nhóm thứ hai thường là những cặp xác định chung sống với nhau lâu dài hoặc vĩnh viễn mà không đăng ký kết hôn. Xu hướng này ít hơn so với tình huống thứ nhất song cũng đã được biết đến và dự báo là có thể sẽ trở nên phổ biến hơn trong những năm tới. Những cặp đôi ở trong mối quan hệ kiểu này thường có tính cam kết cao, có trách nhiệm với nhau, với con cái (nếu có) và với gia đình cả hai bên. Nhìn chung, mối quan hệ giữa cặp đôi nam nữ trong tình huống này khá giống như các cặp vợ chồng và có thể được những người xung quanh và gia đình hai bên nhìn nhận như là vợ chồng. Lý do khiến những cặp này không đăng ký kết hôn có thể bao gồm sự thiếu hiểu biết

³ “Sống thử dưới góc nhìn của các nhà xã hội, văn hóa”. <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/song-thu-duoi-goc-nhin-cua-cac-nha-xa-hoi-van-hoa-2003570.html>

⁴ <http://m.tienphong.vn/Gioi-Tre/599620/Song-chung-khong-dang-ky-ket-hon-Hau-qua-kho-luong-tpol.html>

⁵ Sống thử trong công nhân – Những kết cục buồn. Xem <http://nld.com.vn/tinh-yeu-hon-nhan/song-thu-trong-cong-nhan-nhung-ket-cuc-buon-2012041211456668.htm>

⁶ Sống thử trong công nhân: Tình buồn nơi xóm trọ. Xem <http://nld.com.vn/tinh-yeu-hon-nhan/song-thu-trong-cong-nhan-tinh-buon-noi-xom-tro-2012041110521578.htm>

hoặc thấy thủ tục pháp lý này là không cần thiết. Ở một số địa phương, cuộc sống chung của họ có thể được chính quyền và các cơ quan pháp lý coi như hôn nhân thực tế.

Dù thuộc nhóm thứ nhất hay thứ hai, người phụ nữ vẫn luôn luôn phải đối diện với những nguy cơ tiềm ẩn. Trong trường hợp mối quan hệ của cặp đôi là tốt đẹp người phụ nữ vẫn bị kỳ thị nhiều hơn so với người đàn ông. Người phụ nữ ở nhóm thứ nhất hầu như không có vị thế gì đối với gia đình của người đàn ông, thậm chí còn bị gia đình đó ghẻ lạnh, coi thường và chối bỏ. Các nghiên cứu và báo chí cũng cảnh báo về những hệ lụy đáng tiếc có thể xảy ra với các cặp đôi này, đặc biệt là đối với người phụ nữ nếu bị mang thai ngoài ý muốn hoặc mắc các bệnh lây qua đường tình dục và thường bị mang tiếng xấu khi chia tay hoặc khi người đàn ông rũ bỏ trách nhiệm. Vị thế của người phụ nữ thuộc nhóm thứ hai cũng có thể khá mong manh, tiếng nói của họ không phải lúc nào cũng được tôn trọng. Trong trường hợp mối quan hệ bị đổ vỡ, người phụ nữ thuộc nhóm nào cũng thường phải chịu thiệt thòi nhiều hơn, kể cả tình cảm, danh dự và các lợi ích vật chất. Trong tình trạng bị kỳ thị và không có cơ sở pháp lý cụ thể, người phụ nữ thường phải cam chịu hơn là đấu tranh cho quyền lợi của mình (và con cái nếu có).

Vì vậy việc Dự thảo Luật sửa đổi đề cập đến vấn đề nam, nữ sống chung mà không đăng ký kết hôn và đưa ra một số quy định để giải quyết những vấn đề phát sinh từ quan hệ sống chung của là một bước tiến trong việc xây dựng cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền của phụ nữ. Những từ ngữ trung tính trong định nghĩa về chung sống như vợ chồng ở khoản 5 điều 7 “là việc nam, nữ thỏa thuận tổ chức cuộc sống chung và tự coi nhau là vợ chồng” sẽ giúp giảm bớt định kiến và kỳ thị đối với những người trong cuộc. Cũng với tinh thần đó, việc nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng được Luật Sửa đổi coi là “không làm phát sinh quan hệ hôn nhân” trong khoản 1 điều 13, thay vì “không được pháp luật công nhận như vợ chồng” như Nghị quyết 35/2000/QH10. Rõ ràng Dự thảo Luật Sửa đổi có cái nhìn bớt phán xét hơn đối với hình thức chung sống này.

Hơn thế, lần đầu tiên quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn cũng như cách giải quyết quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa hai bên được Dự thảo Luật sửa đổi đề cập tại các

điều 14 và 15 với các quy định cụ thể. Đặc biệt khoản 3, điều 16 còn nhấn mạnh đến quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, coi công việc nội trợ và các công việc khác liên quan để duy trì đời sống chung như lao động có thu nhập. Đây là một quan điểm tiên bộ phản ánh nhận thức về nguy cơ dễ bị tổn thương của phụ nữ và trẻ em và thể hiện quan điểm bình đẳng giới. Nếu được thông qua và có các hướng dẫn cụ thể, khả thi, quy định này sẽ là một yếu tố góp phần giảm bớt thiệt thòi cho phụ nữ.

Tuy nhiên, các cặp sống chung với nhau lâu dài, nhất là khi có con chung thì về bản chất không khác gì vợ chồng, lại không có nhiều quyền khác mà các cặp vợ chồng được hưởng, trong đó có các quyền quan trọng như việc uỷ quyền hay đại diện cho nhau trong trường hợp cần thiết, đại diện cho nhau trong quan hệ kinh doanh, quyền lưu cư khi chia tay, quyền thừa kế tài sản khi một bên qua đời mà không có di chúc... Trong trường hợp họ không thể sinh con thì cặp đôi này cũng không có quyền được có con thông qua việc nhờ người khác mang thai hộ vì họ không phải là vợ chồng. Theo khoản 3 điều 8 Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì cặp đôi này cũng không thể nhận con nuôi. Trong một xã hội mà đứa con có giá trị vật chất và tinh thần quan trọng như ở Việt Nam, đây là điều thiệt thòi cho họ và có thể làm suy yếu mối quan hệ giữa hai người.

2. Về hôn nhân giữa những người cùng giới tính

Cho đến ngày 31/9/2013 trên thế giới đã có 16 nước và 17 vùng lãnh thổ hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới tính; hơn 32 quốc gia vùng lãnh thổ thừa nhận các hình thức chung sống có đăng ký giữa hai người cùng giới tính. Những thay đổi trong luật pháp về hôn nhân giữa những người cùng giới tính ở các quốc gia này dựa trên kết quả nhiều nghiên cứu khoa học đáng tin cậy. Các nghiên cứu đã khẳng định rằng những lo ngại về hôn nhân giữa hai người cùng giới tính là không có cơ sở. Hôn nhân cùng giới tính không làm suy giảm dân số⁷, không làm xói mòn giá trị của hôn nhân khác giới⁸,

⁷ Hình thức kết hợp dân sự (civil union) giữa các cặp đồng tính lần đầu tiên được công nhận ở Đan Mạch năm 1989. Trong khi đó hôn nhân đồng giới được công nhận lần đầu tiên trên thế giới sau đó 12 năm, vào năm 2001 tại Hà Lan. Theo số liệu thống kê chính thức, đến cuối năm 2009 có khoảng 100.000 cặp đồng tính đăng ký kết hôn trên toàn thế giới. Tại các nước châu Âu, số đăng ký kết hôn đồng giới chiếm khoảng 2-3% và ổn định trong tổng số đăng ký kết hôn gần 10 năm qua. Tỷ lệ ly hôn nói chung ở các nước Châu Âu trong khoảng thời gian 2000 – 2010 không thay đổi. Ở các nước Bắc Âu, kể từ khi thông qua luật công nhận kết hợp dân sự của các cặp đồng tính từ năm 1989 cho đến cho phép đăng ký kết hôn, tỷ lệ ly hôn nói chung khá ổn định, thậm chí còn giảm ở Đan Mạch. Như vậy số lượng người đồng tính và tỷ lệ kết hôn của họ chỉ chiếm một phần nhỏ so với tổng dân số và số lượng kết hôn khác giới. Cho đến nay, sự thừa nhận pháp luật đối với các hình thức sống chung của

không tác động tiêu cực tới trẻ em được nuôi dưỡng trong các gia đình đồng tính⁹. Tại những quốc gia chỉ hợp pháp hóa việc chung sống có đăng ký, mặc dù tên gọi văn bản chứng nhận khác nhau, nhưng quyền, nghĩa vụ dành cho cặp đôi cùng giới tính về cơ bản là hoàn toàn giống như quyền, nghĩa vụ dành cho cặp khác giới¹⁰. Nói cách khác, tại 65 quốc gia và vùng lãnh thổ, người đồng tính ở đó được pháp luật bảo vệ các quyền trong quan hệ chung sống của mình¹¹.

Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2000 cấm hôn nhân giữa hai người cùng giới tính. Mặc dù vậy, trong khoảng hai chục năm trở lại đây, ngày càng có nhiều

người đồng tính không gây ra tác động gì nhiều đến đặc điểm nhân khẩu học nói chung ở các vùng lãnh thổ và quốc gia. Tại Đan Mạch, tổng tỷ suất sinh giảm mạnh trong khoảng thời gian 1970-1980 nhưng lại tăng và giữ ổn định suốt từ năm 1980 đến nay. Như vậy, sau 23 năm thừa nhận kết đôi dân sự của người đồng tính và các quyền lợi của họ, dân số Đan Mạch vẫn giữ ở mức ổn định. Tương tự như vậy, tại Hà Lan, tổng tỷ suất sinh cũng bắt đầu giảm từ những năm 1970 và giữ ổn định đến nay. Việc giảm tổng tỷ suất sinh là xu hướng chung của nhiều lục địa và quốc gia trên thế giới khi kinh tế xã hội phát triển. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Tuy nhiên, số lượng dân số ở tất cả các quốc gia vẫn liên tục tăng.

⁸ Các số liệu nhân khẩu học về xu hướng giảm tỷ lệ kết hôn ở các nước Châu Âu cũng không chỉ ra có mối liên quan nào tới sự công nhận của luật pháp về hình thức chung sống có đăng ký của người đồng tính. Nghiên cứu tiến cứu trong 3 năm ở Vermont, Mỹ về chất lượng cuộc sống lứa đôi của các cặp đồng tính sống chung có đăng ký và các cặp kết hôn truyền thống ở cho thấy các cặp đồng tính sống chung có đăng ký có mối quan hệ hài hòa hơn, gần gũi nhau hơn và ít xảy ra xung đột hơn so với các cặp kết hôn giữa nam và nữ (Balsam và cộng sự 2008). Điều tra tiến cứu trên quần thể người đồng tính ở Massachusetts suốt 12 tháng kể từ khi bang này thông qua luật cho phép kết hôn đồng giới đã chỉ ra xu hướng giảm một cách có ý nghĩa thống kê số lượng lượt khám bệnh nói chung (trong khi không giảm các xét nghiệm định kỳ), khám tâm thần và do đó giảm đáng kể các chi phí chăm sóc sức khỏe (Hatzenbuehler và cộng sự 2010). Điều quan trọng là sự thay đổi này không chỉ diễn ra ở các cặp đăng ký sống chung mà còn cho cả cộng đồng những người đồng tính nói chung vì vấn đề kết hôn hoặc không kết hôn lúc này trở thành sự lựa chọn cá nhân, chứ không liên quan đến quyền được kết hôn hay không. Như vậy, các qui định luật pháp về hôn nhân còn có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cộng đồng (King và Bartlett 2006), và chi phí hiệu quả đối với các vấn đề liên quan phúc lợi xã hội (Portelli, 2004).

⁹ Trước khi thừa nhận hôn nhân đồng giới, rất nhiều nước đã tiến hành các nghiên cứu so sánh kết quả phát triển của trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống và các kiểu hình gia đình khác. Hội Nhi khoa Hoa Kỳ (The American Academy of Pediatrics) (2002), Hội Y học Sinh sản Hoa Kỳ (The American Society for Reproductive Medicine) (2006) đã kết luận không có bằng chứng nào chỉ ra bất kỳ nguy cơ cho sự phát triển của trẻ khi trẻ được nuôi dưỡng trong các gia đình đồng tính. Thực tế, hầu hết các nghiên cứu về gia đình trong vòng 40 năm gần đây ở các nước và vùng lãnh thổ thừa nhận một trong các hình thức chung sống của người đồng tính đều chỉ ra sự phát triển và hạnh phúc của trẻ lại phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, sự cởi mở, trao đổi giữa những người trong gia đình và trẻ, sức khỏe tâm trí, sự hòa hợp và hợp tác của những người lớn trong gia đình mà không phụ thuộc vào cấu trúc gia đình bố mẹ khác giới hay cùng giới, hay bố mẹ độc thân (Millbank 2003; Tasker 2005; Fitzgerald 1999; Flood 2003; Chan và cộng sự 1998; Lipman và cộng sự 2002). Một số nghiên cứu còn chỉ ra những đứa con do đồng tính nữ sinh ra và được nuôi dưỡng trong gia đình đồng tính nữ thậm chí có một số khả năng vượt trội hơn trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống (Goldberg 2010). Trong khi nghiên cứu về khả năng nuôi dạy con của các cặp đồng tính nam cho thấy sự vượt trội hơn các ông bố dị tính khi họ có cả các khả năng chăm sóc trẻ giống như người mẹ (Hicks 2006).

¹⁰ Bộ luật Kết đôi Dân sự 2004 của Vương quốc Anh quy định những quyền và nghĩa vụ của hai cặp cùng giới trong Kết đôi Dân sự là hoàn toàn giống với hôn nhân của của hai cặp khác giới. Hoặc như Bộ luật Gia đình của bang California (Hoa Kỳ) có một hình thức kết đôi dành riêng cho người đồng tính có tên gọi là “quan hệ gia đình có đăng ký.” Bộ luật Gia đình của bang tại đoạn 297.5(a) quy định rằng “các bên trong quan hệ gia đình có đăng ký có đầy đủ các quyền, sự bảo hộ, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận giống như các quy định dưới luật này.”

¹¹ Đoạn này trích từ Thư ngỏ của các tổ chức xã hội gửi các đại biểu quốc hội về hôn nhân cùng giới tính ngày 17/10/2013.

cặp cùng giới tính nam và cùng giới tính nữ chung sống với nhau như các cặp đôi khác giới tính. Một số cặp còn tổ chức lễ cưới với sự chứng kiến của gia đình và bạn bè. Ở một vài nơi, chính quyền địa phương đã không cho phép họ tổ chức lễ cưới và cản trở việc sống chung của cặp đôi cùng giới tính. Một số cặp đôi sau một thời gian sống chung đã chia tay nhưng không thể thoả thuận với nhau về những vấn đề liên quan đến tài sản chung và một số quyền lợi khác. Cơ quan tư pháp ở địa phương do thiếu công cụ pháp lý nên rất lúng túng không biết phải giải quyết những trường hợp này như thế nào. Những người trong cuộc thì rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, không thể ổn định cuộc sống. Như vậy, một trong những quyền con người cơ bản của những người như vậy chưa được công nhận và thực hiện do công cụ pháp lý chưa hoàn thiện.

Những biến đổi xã hội gần đây cho thấy rằng đã đến lúc vấn đề này cần được thảo luận và có thể giải quyết được. Từ cuối những năm 1990, xã hội Việt Nam bắt đầu biết đến những khái niệm và thực tế về quan hệ tình dục đồng giới nam và nữ thông qua những hoạt động phòng chống HIV/AIDS. Một phần nhờ những hoạt động giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những người nam có quan hệ tình dục đồng giới nói chung mà thái độ của xã hội đối với những người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT¹²) thay đổi theo chiều hướng ngày càng cởi mở và tích cực hơn. Điều đó đã khuyến khích nhiều người trong cộng đồng này công khai về khuynh hướng và nhân dạng tình dục của mình, tích cực tham gia các hoạt động để thay đổi nhận thức của xã hội về LGBT và các quyền con người của họ. Ngày càng có nhiều tổ chức và cá nhân đã lên tiếng vận động cho quyền được kết hôn và xây dựng gia đình của LGBT.

Trong bối cảnh như vậy, việc Dự thảo Luật sửa đổi đã xoá bỏ khoản 5 điều 10 trong Luật năm 2000 cấm hôn nhân giữa những người cùng giới tính là một bước tiến quan trọng để rút ngắn khoảng cách giữa người thuộc cộng đồng LGBT và người dị tính. Theo tinh thần của Dự thảo Luật sửa đổi, những cặp đôi cùng giới tính có thể chung sống với nhau mà không bị coi là vi phạm pháp luật, giống như những cặp nam, nữ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Chính quyền địa phương sẽ không can thiệp vào lễ cưới và việc chung sống của họ.

¹² LGBT là viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender”, tiếng Việt dịch nguyên văn là “Đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới”. Để tiện cho việc trình bày, tôi sử dụng từ viết tắt LGBT để thay cụm từ tiếng Việt quá dài.

Thêm nữa, Dự thảo Luật sửa đổi còn bổ sung quy định để giải quyết một số vấn đề phát sinh từ cuộc sống chung của cặp đôi cùng giới tính. Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa cặp đôi cùng giới tính, theo như quy định trong điểm a, khoản 2 của điều 16, sẽ được giải quyết tương tự như trường hợp của cặp nam, nữ sống chung mà không đăng ký kết hôn. Quan hệ cha, mẹ và con của những cặp cùng giới tính được quy định trong điểm b cũng trong khoản 2 của điều 16. Những điểm mới này sẽ bước đầu cung cấp cơ sở pháp lý để hỗ trợ thực hiện một số quyền của LGBT.

Tuy nhiên, theo Dự thảo Luật sửa đổi, hôn nhân giữa hai người cùng giới tính không còn bị cấm nhưng lại không thừa nhận tại khoản 1 điều 16. Điều này có thể gây ra những cách phiên giải khác nhau trong công chúng, chính quyền địa phương và cả trong cán bộ tư pháp. Ở một số nơi, để “an toàn” cho mình, cán bộ địa phương có thể sẽ gây khó khăn cho việc chung sống của những cặp đôi cùng giới tính. Tình trạng không rõ ràng này có thể khiến một số cán bộ tư pháp cảm thấy khó khăn trong việc hỗ trợ bảo vệ quyền lợi cho các cặp cùng giới tính. Bản thân những người LGBT có thể cũng không hiểu rõ liệu họ có quyền để chung sống với người mình yêu thương hay không. Gia đình của họ cũng có thể coi đó là lý do để cản trở họ chung sống với nhau. Ở cấp độ xã hội, việc không thừa nhận hôn nhân giữa những cùng giới tính có thể sẽ khiến cộng đồng LGBT tiếp tục bị kỳ thị và phân biệt đối xử.

Có ý kiến cho rằng việc không cấm nhưng không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính là một bước quá độ trong lộ trình đi đến hoàn toàn công nhận mối quan hệ này. Cứ cho rằng đây có thể là một bước đi thận trọng cần thiết tuy nhiên câu hỏi đặt ra là liệu có nhất thiết phải đưa khoản 1 điều 16 vào Dự thảo Luật sửa đổi hay không? Cách giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc sống chung của cặp đôi cùng giới tính được quy định giống như là cách giải quyết đối với cặp nam, nữ sống chung mà không đăng ký kết hôn vì về bản chất, việc chung sống với nhau của cặp cùng giới tính và cặp nam, nữ không có gì khác nhau. Vậy có nên có quy định giống nhau cho mối quan hệ của cả hai nhóm hay không? Ví dụ thay vì “không thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa hai người cùng giới tính” có thể quy định “việc sống chung giữa hai người cùng giới tính không làm phát sinh quan hệ hôn nhân” giống như

trường hợp của cặp nam, nữ. Cách làm này sẽ giúp giảm bớt sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các cặp cùng giới tính.

Ngoài ra, theo như Dự thảo Luật sửa đổi thì ngoài các quy định ở điều 16 về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa hai bên trong cặp đôi cùng giới tính, các quyền khác phát sinh từ việc sống chung không được đề cập. Ví dụ quyền ủy quyền hoặc đại diện cho nhau hay quyền thừa kế tài sản nếu một trong hai người đột ngột qua đời và không có di chúc cho người kia. Quy định của Dự thảo Luật sửa đổi không cho phép cặp đôi cùng giới tính có con thông qua giải pháp mang thai hộ. Thậm chí trong trường hợp một trong hai người của cặp cùng giới tính nam sử dụng tinh trùng của mình thì người đó cũng không được thừa nhận là cha đẻ. Thêm nữa, theo khoản 3 điều 8 Luật nuôi con nuôi năm 2010, nếu trong trường hợp họ nhận con nuôi thì chỉ có một người được coi là cha nuôi hay mẹ nuôi cho dù cả hai người đều chăm sóc nuôi dưỡng đứa trẻ. Quy định như vậy có thể khiến quyền lợi của đứa trẻ bị thiệt thòi đồng thời hạn chế nghĩa vụ và trách nhiệm của người còn lại. Khi người cha nuôi hay mẹ nuôi qua đời, người còn sống lại phải làm thủ tục nhận nuôi con nuôi chính đứa trẻ mà họ đã chăm sóc nuôi dưỡng ngay từ đầu.

3. Vấn đề mang thai hộ

Mang thai hộ đã xuất hiện từ những năm 1980 khi kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm được hoàn thiện. Tuy nhiên cho đến nay mới chỉ có một số ít nước cho phép mang thai hộ, và chủ yếu là mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, một số nước không cấm. Trong số các nước cho phép, phần lớn là hạn chế trong một số điều kiện nhất định. Riêng Ấn Độ, Nga, Grudia, Thái Lan và Ukraine mang thai hộ vì mục đích thương mại cũng được phép và không hạn chế cả với cá nhân hay người đồng tính. Ước tính hàng năm dịch vụ mang thai hộ ở Ấn độ đạt tới 2,3 tỷ đô la. Luật về mang thai hộ ban hành mới đây ở Ấn Độ không cho phép các cặp đồng tính được phép sử dụng dịch vụ mang thai hộ¹³.

Ở Việt Nam, cho dù đây là lần đầu tiên vấn đề mang thai hộ được đề cập đến từ cấp độ luật pháp nhưng trong thực tế hiện tượng này đã xảy ra trong thực tế ít nhất là từ đầu những năm 2000 cùng với sự phát triển của kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Thậm chí,

¹³ <http://surrogacymumbai.wordpress.com/surrogacy-bill-india/>

theo báo chí và dư luận, một thị trường mang thai hộ đã bắt đầu manh nha ở những thành phố lớn^{14, 15, 16, 17}. Để giữ bí mật và lách luật, một số người có điều kiện kinh tế thì ra nước ngoài để tìm kiếm dịch vụ này. Như vậy, mang thai hộ vì mục đích thương mại đã xảy ra ở Việt Nam hoặc được một số người Việt Nam sử dụng và có xu hướng gia tăng theo thời gian.

Việc Dự thảo Luật sửa đổi có các quy định về vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo sẽ tạo điều kiện cho các cặp vợ chồng vô sinh có thể có con thông qua các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đồng thời sẽ là cơ sở pháp lý để quản lý vấn đề này trong thực tế. Tuy nhiên, theo các quy định ở điều 95 của Dự thảo luật sửa đổi việc nhờ mang thai hộ chỉ được phép đối với cặp vợ chồng với điều kiện người vợ không thể mang thai và sinh con đồng thời phải được thực hiện qua thụ tinh ống nghiệm với noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng. Người mang thai hộ phải có quan hệ thân thích cùng họ hàng với vợ hoặc chồng nhờ mang thai hộ. Với các điều kiện như vậy thì việc mang thai hộ không thể xảy ra trong trường hợp một trong hai người hoặc cả hai vợ chồng đều vô sinh, hoặc trong trường hợp không có người thân thích đủ điều kiện hoặc người thân thích không chấp nhận mang thai hộ.

Những điều kiện chặt chẽ như vậy về lý thuyết sẽ giúp loại trừ việc thương mại hóa việc mang thai hộ. Tuy nhiên, trong một bối cảnh mà thị trường mang thai hộ dù bất hợp pháp đã xuất hiện thì liệu những quy định luật pháp về mang thai hộ như trong điều 95 của Dự thảo Luật sửa đổi có đủ sức mạnh để quản lý hoạt động này hay không? Tôi lo ngại rằng trong bối cảnh văn hóa – xã hội của Việt Nam, nơi giá trị của đứa con rất được đề cao vì những lý do kinh tế, tâm linh và tình cảm, cộng với sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, thị trường mang thai hộ có thể sẽ bùng nổ. Liệu có thể đảm bảo rằng những người có nhu cầu có con nhưng không có tất cả các điều kiện như quy định ở điều 95 sẽ tuân thủ luật pháp hay không?

Trong trường hợp không quản lý được thị trường mang thai hộ, thân thể phụ nữ sẽ bị lợi dụng, bóc lột, buôn bán, thậm chí có thể xuất hiện những đường dây tội phạm

¹⁴ <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Nhuc-nhoi-nghe-de-thue/10720384/157/>

¹⁵ <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20120301/bi-kich-de-thue.aspx>

¹⁶ <http://hn.24h.com.vn/tin-tuc-trong-ngay/dich-vu-de-thue-he-luy-kho-luong-c46a432762.html>

¹⁷ <http://vntimes.com.vn/phong-su-ghi-chep/ky-su/8526-de-thue-nhung-die-khong-the-tin-noi.html>

kinh doanh “dạ con” của người phụ nữ. Khi đó phụ nữ nghèo sẽ là đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Tiếp theo đó là những người có nhu cầu có con nhưng không đủ điều kiện theo luật định. Họ sẽ bị lợi dụng, lừa đảo để phải trả những khoản tiền lớn và bị lôi kéo vào những hoạt động vi phạm pháp luật.

4. Lòng ghép bình đẳng giới trong thực hiện Dự án Luật sửa đổi

Dự án sửa đổi bổ sung Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã có nhiều nỗ lực lồng ghép bình đẳng giới trong Dự thảo Luật sửa đổi. Nhiều điều khoản đã được điều chỉnh hoặc bổ sung, thêm mới để bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới. Đây là một bước tiến quan trọng hướng đến mục tiêu bình đẳng giới mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Trong chương I về các quy định chung, ngoài việc tiếp tục khẳng định các quy định tiến bộ từ khía cạnh giới của Luật năm 2000, Dự thảo Luật sửa đổi còn bổ sung nhiều quy định mới để tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới. Ví dụ, nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng ở Luật năm 2000 tiếp tục được giữ vị trí là một trong những nguyên tắc cơ bản đầu tiên trong khoản 2 của điều 1 Dự thảo Luật sửa đổi. Tiếp đó, cũng trong điều này, tại khoản 4, Dự thảo luật sửa đổi đưa quy định mới về không phân biệt đối xử giữa các thành viên trong gia đình và khoản 6 tiếp tục nhấn mạnh việc giúp đỡ các bà mẹ thực hiện chức năng làm mẹ.

Tiếp theo, tại điều 3 Dự thảo Luật sửa đổi quy định một nội dung mới về trách nhiệm của nhà nước chủ động phòng, chống bạo lực gia đình. Bên cạnh các nội dung của điều 4 về cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn, ly thân kế thừa từ Luật năm 2000, Dự thảo Luật sửa đổi bổ sung thêm quy định cấm các hành vi bạo lực gia đình, mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hay những hành vi lợi dụng phụ nữ, gây tổn hại cho phụ nữ từ các hoạt động áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại hay lựa chọn giới tính. Những quy định này thể hiện nhận thức cao về tính dễ tổn thương của phụ nữ.

Chương II bao gồm các quy định về kết hôn cũng có một số điểm mới có ý nghĩa thúc đẩy bình đẳng giới. Điều 8 quy định điều kiện kết hôn có nội dung mới cho phép cả nam và nữ đều có thể kết hôn khi đủ 18 tuổi trở lên tại khoản 1. Nội dung mới này của Dự thảo Luật sửa đổi là phù hợp với thực tế về sự trưởng thành thể chất của

thanh niên nam nữ ngày nay và tạo điều kiện bình đẳng cho cả nam và nữ về độ tuổi được phép. Khoản 2 nhấn mạnh tính tự nguyện của nam và nữ trong quyết định kết hôn để loại trừ việc ép buộc kết hôn, nhất là đối với phụ nữ ở các vùng sâu vùng xa.

Như đã phân tích ở phần 1, những quy định ở điều 13, 14, 15 của Dự thảo Luật sửa đổi đề cập đến việc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống như vợ chồng, cho dù vẫn còn một số hạn chế nhưng bước đầu đã tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền của phụ nữ vì họ dễ bị tổn thương hơn, nhất là trong trường hợp cặp đôi chia tay.

Chương III về quan hệ giữa vợ và chồng có nhiều quy định khẳng định quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng và chú trọng bảo vệ phụ nữ. Một số quy định mới về ứng xử được đưa vào điều 19, 21, 22 và 23. Những quy định mới về việc đại diện của vợ/chồng cho nhau trong các giao dịch dân sự và kinh doanh cũng có thể coi là một bước tiến nhằm cụ thể hoá những cố gắng thúc đẩy bình đẳng giới. Đặc biệt quan trọng là những quy định liên quan đến tài sản. Đó là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình và bảo vệ người phụ nữ trong bối cảnh văn hóa gia trưởng vẫn còn nặng nề ở Việt Nam.

Ở chương IV về ly hôn, Dự thảo Luật sửa đổi đã đưa ra nhiều quy định cụ thể, chi tiết và cố gắng lồng ghép bình đẳng giới trong các quy định này, nhất là trong những nội dung về tài sản và quyền sử dụng đất. Nổi bật nhất là điểm b, khoản 2 điều 59 đã khẳng định rằng lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Đây là một điểm mới, rất tiến bộ, đề cao giá trị của lao động nội trợ trong gia đình. Tuy nhiên, việc làm thế nào để tính toán giá trị của loại hình lao động này sẽ là một thách thức khi thực hiện xác định công sức đóng góp của mỗi bên khi phân chia tài sản. Ngoài ra, ngay cả khi quan hệ hôn nhân đang được duy trì, lao động gia đình cũng phải được coi như lao động có thu nhập để thúc đẩy phân công lao động bình đẳng hơn trong gia đình. Quyền lưu cư khi ly hôn cũng là một điểm mới và tiến bộ trong việc bảo vệ phụ nữ trong bối cảnh gia đình phụ hệ và mô hình định cư bên chồng vẫn còn khá phổ biến ở Việt Nam.

Tiểu mục 3 của chương IV đưa ra các quy định khá cụ thể và chi tiết về ly thân. Có ý kiến cho rằng các quy định về ly thân sẽ giúp giảm tỉ lệ ly hôn. Tôi không hoàn toàn tán thành quan điểm này. Theo tôi, việc ly thân có thể tạo cơ hội để hai bên vợ

chồng có thời gian để suy nghĩ về mối quan hệ, thay đổi bản thân hoặc thoả thuận về những điều kiện chung sống mới và trong một số trường hợp, giúp bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực. Tuy nhiên, ly thân cũng có thể gây bất lợi cho phụ nữ, nhất là những phụ nữ bị yếu thế trong mối quan hệ. Nếu không có quy định nghiêm cấm việc chung sống như vợ chồng với người khác trong thời gian ly thân thì trong bối cảnh xã hội Việt Nam, ly thân có thể bị lợi dụng bởi nam giới hơn là phụ nữ để có quan hệ như vợ chồng với người khác.

Trong mục 2 của chương V về xác định cha mẹ và con cũng có các nội dung bảo vệ quyền lợi của phụ nữ như khoản 1 điều 92. Các quy định về mang thai hộ, ngoài việc hỗ trợ các cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con do lý do thể chất hoặc sức khoẻ có thể có con đẻ của mình, còn có ý nghĩa củng cố vị thế của phụ nữ trong hôn nhân vì trong thực tế Việt Nam hiện nay, người phụ nữ không có con có thể bị kỳ thị và chịu thiệt thòi hơn so với người đàn ông. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần 3, trong trường hợp người phụ nữ hay người chồng hoặc cả hai vô sinh hoàn toàn thì luật lại không cho phép họ sử dụng noãn, tinh trùng hay phôi của người khác để nhờ mang thai hộ.

Quyền, nghĩa vụ của người mang thai hộ được quy định ở điều 96 nhưng theo tôi vẫn chưa đầy đủ. Cho dù đó là mang thai vì mục đích nhân đạo và người mang thai hộ là người thân thích trong gia đình và tự nguyện nhưng vẫn cần phải có quy định về bảo hiểm y tế cho người mang thai hộ trong suốt quá trình mang thai, kể cả thời gian thực hiện các liệu pháp nội tiết để chuẩn bị mang thai và trong khi sinh đẻ cho đến khi trao con cho người nhờ mang thai. Ngoài ra người mang thai hộ cũng phải được hỗ trợ về y tế và vật chất, tinh thần trong trường hợp có các di chứng ảnh hưởng đáng kể đến sức khoẻ do mang thai và sinh đẻ sau khi đã trao con cho người nhờ mang thai.

Kết luận

Dự thảo Luật sửa đổi là một bước tiến quan trọng nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý về quan hệ hôn nhân và gia đình. Dự thảo Luật sửa đổi kế thừa những điểm tích cực của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đồng thời bổ sung nhiều điểm mới, tiến bộ, phản ánh nhận thức đầy đủ hơn về quyền con người và về bình đẳng giới. So với Luật năm 2000, Dự thảo Luật sửa đổi đề cập một cách toàn diện hơn các khía cạnh của quan

hệ hôn nhân và gia đình; các quy định cũng rõ ràng hơn, cập nhật hơn với những thay đổi trong đời sống gia đình và xã hội đương đại. Dự thảo Luật sửa đổi một khi được thông qua và đưa vào cuộc sống sẽ trở thành một công cụ pháp lý giúp bảo vệ tốt hơn quyền con người của các công dân Việt Nam và thúc đẩy bình đẳng giới.

Tuy nhiên, như đã thảo luận ở những phần trên, trong Dự thảo Luật sửa đổi, các cặp nam, nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn cũng như các cặp cùng giới tính sống chung với nhau không được hưởng nhiều quyền như các cặp vợ chồng. Điều này là một hạn chế trong việc đảm bảo để mọi công dân đều được hưởng các quyền con người một cách bình đẳng. Theo quan điểm của tôi, Dự thảo Luật sửa đổi nên điều chỉnh để những cặp nam nữ có cam kết sống chung lâu dài, có trách nhiệm với nhau đồng thời có nhiều mối ràng buộc về tình cảm và tài sản, có các quyền và nghĩa vụ như của cặp vợ chồng ví dụ như có con thông qua mang thai hộ hay thừa kế tài sản hoặc đại diện cho nhau trong các giao dịch dân sự và kinh doanh.

Dự thảo Luật sửa đổi bỏ khoản 5 điều 10 cấm hôn nhân giữa những người cùng giới tính nhưng lại không thừa nhận hôn nhân giữa họ có thể dẫn đến sự khó hiểu và cách phiên giải không thống nhất trong công chúng và trong cán bộ tư pháp ở địa phương. Điều này đồng thời cũng tạo ra khoảng cách giữa cộng đồng LGBT với những người dị tính, tiếp tục duy trì sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với LGBT. Tôi muốn đề xuất những cặp cùng giới tính muốn chung sống với nhau lâu dài được đăng ký chung sống và có được các quyền và nghĩa vụ như các cặp vợ chồng.

Các quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo sẽ là cơ sở pháp lý hỗ trợ cho một số cặp vợ chồng không thể mang thai theo cách tự nhiên có con đẻ của mình. Tuy nhiên, các điều kiện về người nhờ mang thai, người mang thai hộ với noãn và tinh trùng của cặp vợ chồng có nhu cầu nhờ mang thai sẽ hạn chế cơ hội của nhiều người mong muốn có con nhưng lại không có đủ các điều kiện mà Dự thảo Luật sửa đổi quy định. Ngoài ra, cần phải bổ sung các quy định về bảo hiểm y tế cho người mang thai hộ trong quá trình từ khi chuẩn bị mang thai, suốt thời kỳ mang thai và sinh đẻ cho đến khi trao trả trẻ cho cha mẹ nó. Cũng phải có thêm quy định về hỗ trợ y tế, vật chất và tinh thần cho người mang thai hộ trong trường hợp có các di chứng do mang thai và sinh đẻ gây ra sau khi đã trao con đi.

Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam khi mà thị trường mang thai hộ đã manh nha, những quy định hạn chế các điều kiện mang thai hộ như Dự thảo Luật sửa đổi có thể sẽ không đủ sức mạnh để quản lý những hoạt động phi pháp và khó có thể bảo vệ được nhóm phụ nữ nghèo và thiếu hiểu biết khỏi bị tổn thương. Nên chăng Dự thảo Luật sửa đổi xem xét và mở rộng thêm các điều kiện về người nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ. Mặt khác, khi luật được ban hành cần phải có hướng dẫn rất cụ thể chi tiết việc thực hiện cùng với các chế tài xử lý vi phạm thật nghiêm khắc, để hạn chế nguy cơ gây tổn thương cho phụ nữ nghèo và thiếu hiểu biết.

1. Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi)
2. Khuyến nghị của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam góp ý cho Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi) – dựa trên Dự thảo Luật ngày 20/10/2013

DỰ THẢO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI)

KHUYẾN NGHỊ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM GÓP Ý CHO DỰ THẢO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI)

Giới thiệu

- Cơ quan Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đánh giá cao Ban soạn thảo Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về những cải thiện tích cực nhằm tăng cường bình đẳng giới và quyền của phụ nữ xuyên suốt Luật sửa đổi này. Chúng tôi hiểu rằng việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình cho phù hợp với các thay đổi thực tiễn về hôn nhân và gia đình trong xã hội Việt Nam là một nhiệm vụ h c t ạ . Tuy nhiên, đây là một cơ hội tốt để tăng cường tính thống nhất giữa há luật, c ng như thực tiễn á ụng luật Việt Nam, với há luật quốc tế và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người.

- Theo đó, chúng tôi cho rằng cần phải cải thiện hơn nữa Dự thảo luật sửa đổi này cho phù hợp với các nguyên tắc và ý nghĩa của Công ước Xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), các Công ước quốc tế và hiệp định khác mà Việt Nam tham gia, cũng như các phát hiện, án lệ và bình luận pháp lý của các tổ chức công pháp quốc tế.

- Cơ quan Liên hợp quốc cũng nhận thấy Dự thảo luật sửa đổi phải giải quyết một số vấn đề mới chưa được đề cập tới trong các quy định của Luật hiện hành, và một số quy định của Dự thảo sửa đổi còn gây nhiều tranh cãi. Do đó, chúng tôi đề nghị Quốc hội và Ban soạn thảo cân nhắc qui định thời gian lấy ý kiến nhân dân dài hơn đối với Dự thảo sửa đổi này, đặc biệt là việc tham vấn các nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp, để đảm bảo rằng Luật sửa đổi được xây dựng có chất lượng tốt, được nhân dân ủng hộ và đáp ứng một cách kịp thời các yêu cầu khách quan của thực tiễn hôn nhân và gia đình Việt Nam

Khuyến nghị chung

- **Giới thiệu các từ ngữ trung lập về giới tính:** Để tránh nhầm lẫn trong giải thích từ ngữ và tránh sự phân biệt đối xử về giới tiềm ẩn, chúng tôi đề nghị các thuật ngữ gắn với một giới tính cụ thể được thay thế bằng thuật ngữ mang tính trung lập về giới trong toàn bộ Dự thảo luật, bất cứ khi nào phù hợp. Ví dụ, có thể thay thế “vợ”, “chồng”, “vợ và chồng” thành “bên phối ngẫu”, “các bên phối ngẫu” hoặc “cá nhân”¹⁸. Những quy định trung lập về giới giúp mở rộng quyền ra cho tất cả các cá nhân và cặp đôi và tránh được việc phân biệt đối xử hay bất bình đẳng trên cơ sở giới, bản dạng giới, và xu hướng tính dục. Ngoài ra, việc này còn giúp tránh qui định dựa trên hệ nhị giới (dựa trên hai giới đối lập nhau, nam và nữ) và tránh phân biệt đối xử nhắm tới người chuyển giới và người liên giới tính, vì những qui định nhị giới sẽ làm các nhóm nêu trên trở nên vô hình.

- **Đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật:** Để đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật của Việt Nam cũng như việc thực thi pháp luật, Dự thảo sửa đổi cần được soạn thảo và thông qua cùng lúc với việc sửa đổi các luật và điều khoản ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề hôn nhân và gia đình ở các luật hác, chẳng hạn như Bộ luật Dân sự, Luật nhận con nuôi, Luật công dân. Chúng tôi khuyến nghị ban dự thảo xem xét các luật liên quan và đưa vào những nguyên tắc nhất định xuyên suốt Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nhận con nuôi, Bộ luật Dân sự, và Luật Hộ tịch trong Dự thảo luật này, để tránh các mâu thuẫn pháp lý có thể xảy ra từ những chuẩn mực mâu thuẫn lẫn nhau, hay việc dẫn giải luật

Các quy định chung (Chương I ,Điều 1-8)

- Các nguyên tắc dưới đây được khuyến nghị áp dụng cho phù hợp với các nguyên tắc về bình đẳng giới, cấm phân biệt đối xử và bạo lực trên cơ sở giới, bản dạng giới và xu hướng tính dục, và quyền con người mà Công ước CE AW và các công ước quốc tế khác đề cập.

- **Các nguyên tắc cơ bản:**

¹⁸ Danh sách các từ ngữ trung lập về giới tính được nêu ở Phụ lục 1 đính kèm Bản khuyến nghị này.

o Trong Điều 2 (1), sửa lại đề điều khoản được trung lập về giới như sau: “Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ giữa hai người bình đẳng với nhau.”

o Trong Điều 2 (5), tiếp theo câu “Truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình được kế thừa và phát huy”, cần bổ sung câu *“khi các nguyên tắc này không phân biệt đối xử hoặc vi phạm quyền con người dành cho mọi cá nhân theo quy định của Hiến pháp Việt Nam.”*

o Trong Điều 2 (6), để tránh củng cố định kiến cho rằng vai trò làm mẹ của phụ nữ là trên cả các vai trò khác, và đồng thời khuyến khích chia sẻ vai trò cha mẹ, sửa lại cụm từ thứ hai thành *“giúp đỡ các cha mẹ thực hiện tốt chức năng của mình thông qua việc giúp đỡ cả hai cha mẹ như là những đối tác bình đẳng trong việc nuôi dạy con.”*

- **Tập quán:** Các luật tục và lệ thường thường thay đổi qua nhiều năm, bị tác động bởi các yếu tố khác nhau. Ở nhiều nơi trên thế giới, các vấn đề liên quan đến gia đình và tài sản thường bị chi phối bởi những chuẩn mực truyền thống, và đôi khi những chuẩn mực này không đề cao sự bình đẳng và quyền con người. Luật pháp đóng vai trò chuẩn hóa các hành vi hợp pháp trong xã hội. Vì vậy, các nhà làm luật nên chú ý đến việc đảm bảo luật được sửa đổi không cho phép các điều khoản bảo vệ và đề cao bình đẳng bị lấn lướt bởi luật tục và tập quán.

o Vì vậy, Điều 6 (cụ thể hơn là Điều 6 (1) ()) nên được soạn thảo trong tương quan với tổng thể các qui định pháp luật và tập quán há để đảm bảo rằng qui định ở điều này không tạo ra sự phân biệt đối xử, duy trì sự bất bình đẳng giới, hoặc cung cấp một công cụ để lấn lướt các điều khoản bắt buộc của luật này. Không một tập quán nào được áp dụng nếu chúng vi phạm các nguyên tắc cơ bản về chế độ hôn nhân và gia đình (Điều 4), hoặc phân biệt đối xử phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình. Quy định cụ thể của Điều 6 (2) cần hải đảm bảo các nguyên tắc này.

o Vì vậy chúng tôi khuyến nghị bổ sung Điều 6 (1c) như sau *“Tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng khi tập quán đó không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 2 Luật này và không vi phạm các quy định về bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật này nếu tập quán đó không đối xử phân biệt với phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình.”*

□ **Giải thích từ ngữ:** Bổ sung các từ ngữ sau hoặc sửa đổi các từ ngữ hiện tại ở Điều 7 như sau:

o Trong mục (3) "Kết hôn" là hành động khi "hai người thiết lập quan hệ phối ngẫu với nhau phù hợp với các điều khoản trong luật này về đến điều kiện kết hôn và đăng ý kết hôn".

o Bổ sung qui định về "Công việc nội trợ và gia đình", nhằm đảm bảo rằng định nghĩa này bao gồm mọi cá độ chăm s c cho các thành viên gia đình c ng như công việc nội trợ mà đ ng g vào nhu cầu hàng ngày của các thành viên gia đình.

o Trong mục (5) thay cụm từ "chung sống như vợ chồng" ằng thuật ngữ được rộng rãi sử dụng trên thế giới là "chung sống thực tế" (tiếng Anh là: " facto union") hoặc "cặ đôi sống chung" (coha iting cou l) và sử dụng định nghĩa c các từ ngữ trung lập về giới như sau: "Chung sống trên thực tế là việc hai người thỏa thuận tổ ch c cuộc sống chung một cách ổn định, liên tục và coi nhau là đối tác phối ngẫu;" Trên khắp thế giới, chung sống trên thực tế² đang ngày càng trở nên phổ biến hơn. C ng như các cặ đôi kết hôn, các cặ đôi chung sống với nhau trên thực tế vẫn chia sẻ nơi trú ngụ, đ ng góp vào nguồn tài nguyên chung, phụ thuộc lẫn nhau về mặt tình cảm và tài chính, cùng nuôi dạy con cái. Kết quả là, các cặ đôi chung sống với nhau trên thực tế vẫn phải chịu đựng các h hấn hất sinh từ sự đổ vỡ của những mối quan hệ này, tương tự như những gì các bên phối ngẫu phải trải qua trong ly hôn. Bởi vì phụ nữ thường ở

2 rong văn ản này, các từ "chung sống thực tế" và "cặ đôi chung sống" được ng như các từ đồng nghĩa. 3

vị thế yếu kém hơn trong việc đàm phán, và dễ bị phân biệt đối xử ở nhiều góc độ khác nhau trong cuộc sống, phụ nữ trong các cuộc sống chung trên thực tế thường ở vị thế kinh tế và xã hội dễ bị tổn thương trong mối quan hệ này và cả hiên kết thúc. Vì những lý do trên, việc thừa nhận về pháp lý cho việc chung sống trên thực tế và bảo vệ về pháp lý cho những đối tượng tham gia, bao gồm cả việc ảo hộ con cái, nghĩa vụ chăm sóc, phân chia tài sản và thừa kế, là rất quan trọng.

o Trong mục (6) đảm bảo rằng định nghĩa về “gia đình” bao gồm nam giới, phụ nữ và con sống cùng nhau trong quan hệ cùng chung sống, sửa thành: “Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, *cùng chung sống*, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau theo quy định của Luật này.”

o Trong mục (8) đảm bảo rằng định nghĩa về “thành viên gia đình” bao gồm và áp dụng cho những người gắn bó với nhau bởi quan hệ chung sống, và phát sinh ra các quyền và nghĩa vụ giữa họ như được đề cập trong Luật.

o Trong mục (21), danh sách những “nhu cầu thiết yếu” cần được mở rộng để bao gồm cả nơi trú ngụ, nước và điều kiện vệ sinh, và hương tiện giao thông. “Nhu cầu thiết yếu” cần được hiểu là bao gồm không chỉ các nhu cầu về vật chất cần thiết để sống, mà còn là sống khỏe mạnh và được phát triển toàn diện.

o Bổ sung qui định về “ phân biệt đối xử trên giới”, và định nghĩa cụm từ này để bao hàm bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế nào mà không đảm bảo phụ nữ và trẻ em gái có quyền bình đẳng như nam giới và trẻ em trai trong cuộc sống hôn nhân và gia đình, tiếp cận hàng hóa và dịch vụ, cơ hội giáo dục và tiến bộ bản thân, quyền tài sản và thừa kế và quyền ra quyết định.

o Bổ sung qui định về “Lợi ích chính đáng của phụ nữ và trẻ em,” và định nghĩa cụm từ này để bao hàm cả nguồn lực vật chất và tài chính đủ nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của phụ nữ và trẻ em, và tạo điều kiện cho sự trưởng thành và phát triển riêng và chung của họ.

Chế độ hôn nhân (hương , iều 8-16)

□ **Chung sống th c tế:** Trong Khuyến nghị chung năm 994 số 2 , Bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình, Ủy ban CEDAW ra tuyên bố là phụ nữ và nam giới chung sống trên thực tế “ hải ình đẳg ... trong cuộc sống gia đình ... chia sẻ thu nhập và tài sản ... chăm s c và nuôi dạy con.” Ghi chú rằng, Khuyến nghị chung của CEDAW, diễn giải Công ước CEDAW, và các quốc gia thành viên c nghĩa vụ thực hiện tương đương như Công ước CEDAW. Thêm vào đ là sự tôn trọng nguyên tắc bình quyền đượ nhắc đến trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, “Mọi người sinh ra đều đượ tự o và ình đẳg về nhân hẩm và quyền,” chúng tôi xin huyển nghị như sau:

o Bỏ Điều 13, 14, 15 và 16.

o Bỏ sung các quy định mở rộng đối tượng chung sống trên thực tế có quyền và nghĩa vụ thực sự như những cặ đôi c đẳg ý ết hôn trong kết hôn, ly thân, di di, và nuôi dạy con, bao gồm tất cả những vấn đề liên đề liên quan đến tài sản, nhận con nuôi, mang thai hộ, quyền và trách nhiệm trong gia đình. N i chung, luật nên nêu cụ thể rằng những điều khoản về Quan hệ hôn nhân (Chương III), Chẩm d t hôn nhân (Chương IV), Quan hệ giữa cha mẹ và con (Chương V), Quan hệ giữa các thành viên hác của gia đình (Chương VI), Cấp ưỡng (Chương VII), uan hệ hôn nhân và gia đình c yếu tố nước ngoài (Chương VII) cần áp dụng cho các cặ đôi chung sống thực tế khác giới và đồng giới.

□ Tuy nhiên, nếu Việt Nam quy định quyền của người sống chung trên thực tế hạn chế hơn so với các cặ c đẳg ý ết hôn, như hiện nay đẳg ự thảo trong Điều 13, 14, 15 và 16, chúng tôi khuyến nghị những thay đổi sau nhằm phù hợp với những nguyên tắc đượ các chuyên gia của Liên hợp quốc và công ước quốc tế ủng hộ:

o Điều 13, 14, 15, và 16 cần được làm rõ để giải quyết 'hậu quả pháp lý' của việc chung sống trên thực tế, không chỉ 'hậu quả' như đề cập trong bản dự thảo.

o Điều 13 cần được nhấn mạnh để mô tả rõ ràng hơn những điều kiện mà tài sản chung được xác lập giữa hai ên, trong trường hợp không có thoả thuận về tài sản, vì trong Bộ Luật dân sự ường như hông c quy định bảo vệ các cá nhân trong quan hệ chung sống trên thực tế.

o Điều 15 cần đề cập đến việc giải quyết tài sản, nghĩa vụ, và hợp đồng trong các mối quan hệ chung sống trên thực tế. ường tự như trong hôn nhân, sự phụ thuộc và sự tôn thương sẽ phát sinh theo thời gian khi các cặ đôi ắt đầu chung sống với nhau trên thực tế. Khoản 3 có nhắc đến việc giải quyết quan hệ tài sản phải “đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con”. Điều khoản này có thể trở nên mạnh mẽ hơn nếu cụm từ “quyền và lợi ích hợp pháp” được cụ thể h a để bao gồm các mối quan hệ tài sản chính th c và có hợp đồng, và cả việc bảo ưỡng, các tài sản chung, quyền được sử dụng nhà của gia đình, quyền và nghĩa vụ làm cha mẹ. Nếu các bên có liên quan trong mối quan hệ xây dựng trên sự cam kết từ hai phía và sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt cảm xúc và kinh tế thì họ có quyền được chia các khoản lợi từ tài sản mà họ đ ể ng góp và trong việc chiếm hữu và gìn giữ. C ồng như Hội đồng CE AW đã từng n i: “Ở nhiều đất nước, tài sản t ch g được trong quá trình sống chung trên thực tế không được đối xử ngang hàng với tài sản c được từ các cuộc hôn nhân. Khi các mối quan hệ này chấm d t, người phụ nữ nhận được những phần chia t hơn rõ rệt so với bạn đời của họ. Luật và tục lệ phân biệt đối xử với hụ nữ có ết hôn hoặc hông ết hôn, có hoặc hông c con, như nêu trên cần được hủy bỏ và ngăn chặn.³

□ hêm vào đ , th o luật quốc tế về quyền con người, nghĩa vụ bảo vệ cá nhân khỏi bị đối xử phân biệt trên cơ sở xu hướng tình dục được mở rộng để đảm bảo những cặ đồng giới không kết hôn được đối xử ình đẳng và hưởng lợi ch tương tự như những cặp khác giới không kết hôn. Vì lý do trên, chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ những khuyến nghị sau:

o Xóa bỏ và sửa các điều khoản tạo ra sự chênh lệch há lý giữa các cặ đôi hác giới sống chung trên thực tế và các cặ đôi c ồng giới sống chung trên thực tế. ường tự,

trong điều 13, 14, 15 cần bỏ cụm từ 'nam, nữ' mà sử dụng nhất quán cụm từ 'các cặp đôi sống chung trên thực tế' như đã định nghĩa trong Điều 7 (5) đã đề xuất ở trên, áp dụng cho cả các cặp đôi khác giới và đồng giới.

o Xoá Điều 6, vì Điều 16 sẽ bị thừa sau khi những đề nghị thay đổi nêu trên được áp dụng.

3 an CE AW, “Khuyến nghị chung 2 : Bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình”, N o c A 49 8, 994, đoạn .

Quan hệ hôn nhân (hương , iều 17-50) bao gồm chấm dứt hôn nhân (hương , iều 51-71)

□ Những bổ sung và thay đổi ưới đây được khuyến nghị thực hiện cho phù hợp với nguyên tắc CEDAW thiết lập “Các bên có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung cho dù tài sản đ là tài sản được cho không hay là tài sản có giá trị lớn”, và Khuyến nghị Chung số 21 của CEDAW giải th ch quy định này.

□ **Tài sản chung và tài sản riêng:** Đề nghị cơ quan c thẩm quyền xây dựng hướng dẫn hỗ trợ các cặp đôi c ý định tiến tới hôn nhân hoặc chung sống trên thực tế trong việc thương lượng giao kèo bằng văn bản một cách ình đẳng và công bằng, nêu chi tiết thỏa thuận của họ về tài sản chung và tài sản riêng, và đăng ý hợp pháp thỏa thuận đ (Điều 47, 48, 49, 50). Để bảo vệ các bên phối ngẫu, cần ỏ sung một điều khoản qui định tòa án c thẩm quyền thay đổi hoặc bãi bỏ các thỏa thuận nêu trên. Các qui định sau đây c thể được Ban soạn thảo cân nhắc cho nội dung nêu trên:

o Tòa án có thẩm quyền thay đổi hoặc bãi bỏ bất c một văn ản thỏa thuận nào nhằm vào việc chia sẻ tài sản giữa hai bên phối ngẫu, nếu xét thấy thỏa thuận đ được thiết lập bằng việc gian lận, cưỡng ép, hoặc bạo hành gia đình.

o Trong trường hợp tòa án đã ải ở những thỏa thuận trước hôn nhân như đã đề cập ở Mục (1), các bên trong quan hệ hôn nhân sẽ được cho là đã lựa chọn để được quản lý bằng chế độ tài sản được đưa ra ở các Điều X – X của Luật này.⁴

o Một qui định tương tự cần được ỏ sung ở Điều 48 liên quan tới các thay đổi về chế độ tài sản đã lựa chọn.

□ Tòa án có thẩm quyền thay đổi hoặc bãi bỏ bất c một văn ản thỏa thuận sau hôn nhân nào nếu xét thấy thỏa thuận đ được thành lập bằng việc gian lận, cưỡng ép, hoặc bạo hành gia đình, và các ên hồi ngẫu vẫn tiếp tục được quản lý bởi chế độ tài sản mà họ đã lựa chọn từ lúc thiết lập quan hệ hôn nhân.

o Giải quyết những mâu thuẫn trong các quy định về tài sản chung và tài sản riêng theo hướng ủng hộ phạm vi điều chỉnh mở rộng về tài sản chung mà Dự thảo luật sửa đổi đưa ra.

o Cụ thể là: Đảm bảo sự nhất quán giữa quy định là “*Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung phải được hai bên phối ngẫu bàn bạc, thỏa thuận*” (Điều 5) và các điều khác làm hạn chế việc ra quyết định chung này. Các quy định đ gồm:

□ Điều 25 quy định cho phép một bên vợ, chồng là người đại diện hợp pháp cho người kia trong các quan hệ inh oanh; Điều 26 quy định cho phép một bên vợ, chồng thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản mà đòi hỏi ch ng nhận sở hữu hoặc quyền sử dụng đất với người th ba ngay tình;

o Đảm bảo sự nhất quán giữa định nghĩa rộng hơn về tài sản chung, như quy định tại Điều , và các trường hợp phân chia tài sản do thừa kế trong trường hợp một trong hai bên phối ngẫu chết (Điều 70)

o Đối với nhiều khoản mục khẳng định rằng lao động trong gia đình và công việc nội trợ được coi như lao động có thu nhậ (Điều 15, 59 (2b) và 61), thì cần c hướng

dẫn để xác định giá trị của lao động trong gia đình và công việc nội trợ xét từ khía cạnh đóng góp của lao động trong gia đình vào tài sản chung.

□ **Chế độ Tài sản (điều 28 – 30)**

o Điều 28 cần được làm rõ, định nghĩa rõ ràng các nội dung đề cập đến ở điều này là về “chế độ tài sản theo luật định”, và có liên hệ với Điều 44.

o Công nhận công việc sinh sản và nội trợ, là những đóng góp hợp pháp vào gia đình, là quan trọng (Điều 29); bổ sung qui định hướng dẫn cách đánh giá các đóng góp này khi tính toán vào công sức đóng góp vào tài sản của gia đình, để đảm bảo rõ ràng và hiệu quả.

o Điều 30 cần đề cập đến các giao dịch liên quan đến nhà chung của hai bên phối ngẫu. Nhà chung là trung tâm của cuộc sống gia đình, và công thường là tài sản chính của cả đôi. Qui định việc bảo vệ nhà chung là một hướng pháp thiết thực và ngày càng phổ biến để bảo vệ quyền của phụ nữ trong việc sử dụng nhà trong hôn nhân công như trong quá trình chấm dứt hôn nhân. Những điều khoản này cần được áp dụng kể cả trong trường hợp cả đôi đã lựa chọn một chế độ tài sản hôn nhân khác. **Phụ lục 2** cung cấp những ví dụ lập pháp ở các quốc gia khác để Ban soạn thảo tham khảo.

4 “Lựa chọn chế độ tài sản trong hôn nhân” trong tuyên bố “ôn trọng, bảo vệ và đảm bảo: pháp luật hoá quyền của phụ nữ trong môi trường HIV/AIDS”, phần 2: Các vấn đề về gia đình và tài sản (Mạng lưới pháp lý về HIV/AIDS của Canada, 2009), trang 11.

Chấm dứt hôn nhân (hướng , điều 51-71) bao gồm Trợ cấp (hướng , điều 109-122) 6

□ Những bổ sung và thay đổi ưới đây được khuyến nghị cho phù hợp với nguyên tắc của CEDAW là các cặp phối ngẫu phải “C quyền và trách nhiệm như nhau trong thời kỳ hôn nhân và sự kết thúc của n ”, [CE AW, Điều 16 (c)]

□ **Phân chia tài sản trong ly hôn (iều 59):** Mục (1) cho phép việc phân chia tài sản được đồng ý bởi cả hai ên. Để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mỗi bên phối ngẫu, cần bổ sung qui định trao thẩm quyền cho tòa án xem xét lại việc chia tài sản đã được đồng ý bởi cả hai ên, để đảm bảo rằng quá trình này là công bằng và hợp há , và c ng để đảm bảo rằng thỏa thuận này không có dấu hiệu của sự gian lận, cưỡng ép, hoặc bạo lực gia đình. V ụ:

o Nếu cả hai ên đã đi vào thỏa thuận việc phân chia tài sản trong hôn nhân trong quá trình ly dị, mà tòa án xét thấy thỏa thuận trên không công bằng, hoặc có iểu hiện gian lận, cưỡng b c, hay bạo hành gia đình, thì tòa án c thể có quyền vô hiệu hóa quyền sở hữu tài sản của các bên mà toà án cho là công bằng và hợp pháp, mà hông cần xét tới việc tài sản đ ai đ ng tên hoặc c quyền sở hữu.

□ **Quyền được trú ngụ tại nhà ở trong quan hệ hôn nhân (iều 63):**

o Điều khoản liên quan đến quyền sở hữu nhà ở trong quan hệ hôn nhân sau khi ly hôn là một điều khoản c tình hòng ngừa, nhằm giảm thiểu sự át an, hả năng ị tổn thương, ngh o đ i, ạo hành gia đình, đặc biệt là đối với phụ nữ. Tuy nhiên giới hạn 6 tháng có thể làm giảm đi t nh hiệu quả của điều này.

o Bổ sung quy định trong Dự thảo luật sửa đổi hoặc trong các luật khác, nếu phù hợp, cho hé người phụ nữ và đ a con được ở trong ngôi nhà chung trong trường hợp ly thân giữa cả đôi hoi ngẫu trước khi hai bên có thỏa thuận về tài sản, c ng như trong trường hợp bạo lực gia đình.

□ **Cấp dưỡng cho người phối ngẫu cũ:** Cần c hướng dẫn chi tiết về m c cá ưỡng phù hợp và hương th c cá ưỡng của một bên phối ngẫu cho người phối ngẫu c (Điều 6). Đề nghị các cơ quan ch c năng xây ựng các biện há để thực hiện hiệu quả hơn các quy định về nghĩa vụ cá ưỡng người phối ngẫu c .

Quan hệ giữa cha mẹ và con (hương , iều 72-104), Quan hệ giữa các thành viên hác trong gia đình (hương , iều 105-108), Cấp dưỡng (hương , iều 109-122)

□ Những bổ sung và thay đổi ới đây được khuyến nghị cho phù hợp với nguyên tắc của CEDAW, các bên phối ngẫu phải “c quyền và trách nhiệm như nhau” như là cha mẹ trong những vấn đề liên quan đến con, bất kể tình trạng kết hôn của họ; trong mọi trường hợp, lợi ích của con phải được đặt lên hàng đầu,” (Điều 16 (1)d).

□ **ghĩa vụ của cha mẹ (iều 73):** Luật sẽ chặt chẽ hơn nếu bổ sung thêm một điều khoản nói rằng cha mẹ c nghĩa vụ ngang nhau trong việc cung cấp các nhu cầu thiết yếu cho tất cả các con của mình. ường tự như vậy, Điều 9 c ng nên đề cập việc cha mẹ, trong trường hợp bị giới hạn quyền đối với các con chưa thành niên của mình, vẫn c nghĩa vụ cung cấp các chi h để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của các con được đá ng.

□ **ghĩa vụ trợ cấp con của cha mẹ (iều 112):** h o Điều 112, cha mẹ sẽ thỏa thuận về m c độ chi trả trợ cá cho con. Cơ quan c thẩm quyền cần đưa ra hướng dẫn về m c độ trợ cấp hợp lý, tần suất chi trả, vân vân. Các iện há ảo đảm thi hành c ng cần được thiết lập, nếu chưa c , và cần dẫn tới điều khoản này.

□ **Họ của con:** Bổ sung quy định trong dự thảo Luật sửa đổi này hoặc trong Luật Hộ tịch là các bên phối ngẫu phải thỏa thuận với nhau về tên họ của con và, những quyết định đ hải được đặt lên trên cả tập quán hoặc dân tộc, gồm cả trường hợp nhận con nuôi. (Điều 73)

□ **ghĩa vụ cấp dưỡng đối với con, mẹ mang thai và bên phối ngẫu:**

o Bổ sung quy định trong Dự thảo luật sửa đổi này hoặc trong các luật khác, nếu phù hợp , quy định là người cha phải c nghĩa vụ đ ng g chi h chăm s c cho người mẹ trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ đ a con mà người cha đ hông sống cùng và hông đăng ý ết hôn.

o ăng cường yêu cầu cá ưỡng cho trẻ được sinh ra bởi bà mẹ đơn thân, ăng việc sửa đổi Điều 73 (3) thành “*Hai cha mẹ có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc cấp dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, con không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, kể cả là con ngoài giá thú.*”

o Cần c hướng dẫn chi tiết về m c cá ưỡng phù hợp c ng như hình th c cá ưỡng cho cha mẹ không nhận nuôi con trong trường hợp ly thân hoặc ly dị (Điều 87 và 66a). Đề nghị các cơ quan ch c năng xây ựng các biện pháp để thực hiện hiệu quả hơn các quy định về nghĩa vụ cá ưỡng nuôi con (Điều 87). Bổ sung quy định giải quyết trường hợp một bên vợ, chồng không có nguồn thu nhậ độc lập và phụ thuộc vào bên chồng, vợ là người nhận lương hưu hoặc các hình th c trợ cấp khác của nhà nước, thì lương hưu hoặc trợ cấp đ cần được uy trì để hỗ trợ bên vợ, chồng phụ thuộc kia sau hi người được nhận trợ cấp của nhà nước qua đời.

o Bổ sung thêm qui định tạo lập nguyên tắc trẻ em cần được đối xử ình đẳng và không phân biệt con của người mẹ đơn thân, và không phân biệt đối xử con ựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ. Trẻ m hông được từ chối bất c một quyền nào cho dù cha mẹ không thiết lập mối quan hệ hôn nhân, đặc biệt là trong trường hợp của các cặ đôi cùng giới khi cha mẹ của đ a trẻ không thể thiết lậ được mối quan hệ pháp lý với đ a trẻ. Ví dụ: trong một cặ đôi hai người đều là nữ, hai người mẹ này không thể cùng nhận con của nhau làm con nuôi.

□ **Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con:** Cần nhắc bổ sung quy định việc cùng trông nom, chăm s c, nuôi ưỡng và giáo dục con trên 3 tuổi giữa cha mẹ sau khi ly thân hoặc ly hôn, ngoài việc để một bên bố, mẹ trông nom, chăm s c, nuôi ưỡng và giáo dục con (Điều 85). rong các trường hợp đ , cả bố mẹ sẽ cùng quyết định mọi việc về đ a con, nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con – và đ a con sẽ phân chia thời gian ở cùng bố, mẹ cân bằng hơn.

Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (hương , iều 123-132)

□ Để phù hợp với nguyên tắc CEDAW là “Kết hôn với người nước ngoài hay việc thay đổi quốc tịch của người chồng trong khi kết hôn sẽ không tự động dẫn đến việc thay đổi quốc tịch của người vợ, dẫn tới việc người vợ không có quốc tịch hoặc bị ép buộc phải theo quốc tịch của chồng”, (CE AW, Điều 9) đảm bảo rằng Luật sửa đổi này hay luật hác quy định rõ:

o Bảo vệ quyền cho phụ nữ Việt Nam được giữ lại quốc tịch khi kết hôn với người nước ngoài, hoặc hi người chồng thay đổi quốc tịch;

o Đảm bảo người nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam có quyền ình đẳng về định cư, công dân, việc làm và an ninh xã hội tại Việt Nam;

o Bảo vệ quyền cho vợ, chồng là người Việt Nam và con của họ trong trường hợp ly thân hoặc ly hôn khi họ sống ở nước ngoài, hoặc khi một trong người vợ, chồng sống ở nước ngoài.

Phụ lục 1

| <p>Những từ thuật ngữ trung tính về giới khuyến nghị sử dụng trong thảo luận Luật Hôn nhân và gia đình đã i Từ ngữ đang được sử dụng trong thảo luận</p> | <p>Terms being</p> | <p>Từ ngữ</p> | <p>Recommended</p> |
|--|---|--|---|
| | <p>used in the current draft</p> | <p>trung lập về giới nên sử dụng</p> | <p>gender-neutral terms</p> |
| <p>Bố ượng, mẹ kế</p> | <p>Step fathers, step mothers</p> | <p>Cha mẹ kế</p> | <p>Step parents</p> |
| <p>Cha mẹ</p> | <p>Father and mother</p> | <p>Người sinh thành / (hoặc giữ nguyên “cha mẹ” vì là từ ghép ám chỉ bậc sinh thành, không nhất thiết phải có một cha và một mẹ, “cha mẹ” c thể hiểu như “ar nts”)</p> | <p>“Car -ta rs” or thành / (hoặc giữ w th curr nt t rm “cha mẹ” (fath r an mother) because they imply birth-givers/care-takers, not necessarily one father and one mother, and it could be understood as parents.</p> |
| <p>Cha mẹ chồng, cha mẹ vợ</p> | <p>Parents of husband, parents of wife (Parents-in-law)</p> | <p>Cha mẹ của người phối ngẫu</p> | <p>Parents (literally father and mother) of partner.</p> |
| <p>Chung sống</p> | <p>Cohabitation</p> | <p>De-facto</p> | <p>Chung sống</p> |

| | | | |
|------------------------------------|--|---|--|
| như vợ chồng | as husband and wife | cohabitation | trên thực tế |
| Có vợ, có chồng | Having a wife, having a husband | Trong quan hệ hôn nhân | In a marriage |
| Cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha | Same father but different mothers, same mother but different fathers (half brothers sisters) | Khác một trong hai cha mẹ | Different one of the two parents |
| Lấy vợ, lấy chồng | Getting a wife, getting a husband | Kết hôn | Getting married |
| Nam nữ, nam và nữ | Male and female | Hai người | Two persons |
| Quan hệ vợ chồng | Relationship of husband and wife | Quan hệ hôn nhân / Quan hệ phối ngẫu | Marriage (relationship) / Spousal relationship |
| Vợ chồng | Wife and husband | Hai bên phối ngẫu | Two spouses |
| Vợ, chồng | Wife, husband | Các bên phối ngẫu / Một trong hai bên phối ngẫu / Hai bên phối ngẫu | Spouses / One of the two spouses / Two spouses |

Diễn đàn Đối thoại chính sách pháp luật lần 1.2013:

“Pháp luật hình sự trong thời kỳ hội nhập tại Việt Nam”

Tài liệu của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”

Địa chỉ liên hệ: Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Tư pháp, 60 Trần Phú, Hà Nội

Điện thoại/fax: 844-3734 0104 / 3734 5284

Email: project58492.vn@undp.org